

# **Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 - 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10 - 11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	12 - 13
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	14 - 76

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa..

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch	
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên	
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Lim Heon Young	Thành viên	bổ nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 25 tháng 6 năm 2021

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phạm Thị Hoa	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Hoàng Anh	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đinh Xuân Cường	Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Phó Tổng Giám đốc	
	Thường trực	
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 7 năm 2021

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

## **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Đinh Xuân Cường, Tổng Giám đốc.

Ông Phạm Đỗ Huy Cường - Phó Tổng Giám đốc Thường trực, được người đại diện theo pháp luật của Công ty ủy quyền ký báo cáo tài chính hợp nhất theo Giấy Ủy quyền số 051401/2020/UQ-APH ngày 14 tháng 5 năm 2020.

## **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc:



Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Hải Dương, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số tham chiếu: 61515942/22701163-HN

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022 và được trình bày từ trang 6 đến trang 76, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



---

**Phùng Mạnh Phú**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2598-2018-004-1

---

**Lê Tuấn Trung**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5095-2019-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

11/3/21  
KS  
V  
CF  
/21

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>6.650.889.061.595</b>	<b>5.119.815.243.521</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>2.177.384.953.432</b>	<b>1.133.312.021.167</b>
111	1. Tiền		1.265.637.688.049	275.759.255.533
112	2. Các khoản tương đương tiền		911.747.265.383	857.552.765.634
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>436.156.000.000</b>	<b>778.600.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		436.156.000.000	778.600.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>2.507.506.743.395</b>	<b>1.838.483.501.495</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7.1	1.566.309.749.440	744.982.479.745
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7.2	481.501.847.046	785.232.495.961
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	211.656.400.000	47.724.645.500
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	258.864.946.689	272.290.585.989
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	11	(10.826.199.780)	(11.746.705.700)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>10</b>	<b>1.336.537.016.869</b>	<b>1.156.783.317.868</b>
141	1. Hàng tồn kho		1.339.975.372.112	1.158.552.550.420
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.438.355.243)	(1.769.232.552)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>193.304.347.899</b>	<b>212.636.402.991</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	19	44.274.696.975	45.781.388.026
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		148.243.947.865	165.085.993.264
153	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước		785.703.059	1.769.021.701

302-0  
IG TY  
NH  
& YC  
T NA  
NHÁ  
À NỘ  
EM -



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>5.677.178.465.905</b>	<b>5.313.714.431.641</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>106.074.408.440</b>	<b>35.553.421.293</b>
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	7.1	68.443.341.120	-
215	2. Phải thu về cho vay dài hạn	8	14.699.588.400	-
216	3. Phải thu dài hạn khác	9	22.931.478.920	35.553.421.293
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>2.987.938.444.932</b>	<b>3.182.127.164.690</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	2.771.967.892.015	3.001.474.125.792
222	Nguyên giá		4.343.023.376.425	4.265.448.953.198
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.571.055.484.410)	(1.263.974.827.406)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	13	129.864.367.289	91.879.541.823
225	Nguyên giá		149.743.973.507	99.790.264.906
226	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.879.606.218)	(7.910.723.083)
227	3. Tài sản cố định vô hình	14	86.106.185.628	88.773.497.075
228	Nguyên giá		108.636.759.476	106.486.705.156
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(22.530.573.848)	(17.713.208.081)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>15</b>	<b>525.246.189.111</b>	<b>446.647.403.272</b>
231	1. Nguyên giá		588.740.430.450	476.381.179.463
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(63.494.241.339)	(29.733.776.191)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>939.543.732.943</b>	<b>386.729.339.630</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	17	939.543.732.943	386.729.339.630
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>180.901.388.505</b>	<b>263.126.429.952</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	18.1	132.906.388.505	191.626.429.952
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	18.2	17.995.000.000	1.500.000.000
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	18.3	30.000.000.000	70.000.000.000
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>937.474.301.974</b>	<b>999.530.672.804</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	19	437.857.071.873	416.323.714.808
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	36.3	6.438.298.130	230.359.530
269	3. Lợi thế thương mại	20	493.178.931.971	582.976.598.466
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>12.328.067.527.500</b>	<b>10.433.529.675.162</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>6.385.130.555.343</b>	<b>6.040.979.859.874</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>4.165.330.153.571</b>	<b>4.395.758.509.781</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	21.1	718.878.153.205	639.866.318.179
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21.2	180.253.026.023	128.965.155.586
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	53.407.084.236	26.622.077.115
314	4. Phải trả người lao động		66.779.433.671	48.313.794.417
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	49.415.971.002	50.058.393.875
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	24	66.065.977.511	88.300.646.698
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	25	165.008.145.810	27.528.491.839
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	26	2.841.924.495.906	3.377.172.404.160
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	27	23.597.866.207	8.931.227.912
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>2.219.800.401.772</b>	<b>1.645.221.350.093</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán	21.1	10.364.801.938	41.729.578.312
336	2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	24	89.443.518.069	101.907.915.696
337	3. Phải trả dài hạn khác	25	13.125.701.674	90.317.681.674
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	26	2.106.866.380.091	1.389.069.656.780
341	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.3	-	22.196.517.631

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>5.942.936.972.157</b>	<b>4.392.549.815.288</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>28</b>	<b>5.942.936.972.157</b>	<b>4.392.549.815.288</b>
411	1. Vốn cổ phần đã phát hành		2.024.223.220.000	1.466.773.390.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.951.074.420.000	1.393.624.590.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		73.148.800.000	73.148.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		657.000.439.100	657.285.989.100
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		70.780.511.902	70.780.511.902
417	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(5.136.280.855)	(1.007.294.337)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		15.338.409.392	15.338.409.392
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		94.372.433.447	26.422.090.004
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		(11.895.965.108)	34.295.510.743
421b	- Lợi nhuận sau thuế/(lỗ) chưa phân phối năm nay		106.268.398.555	(7.873.420.739)
429	7. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		3.086.358.239.171	2.156.956.719.227
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>12.328.067.527.500</b>	<b>10.433.529.675.162</b>

  
 Hồ Thị Hòe  
 Người lập kiêm Kế toán trưởng

  
 Phạm Đức Huy Cường  
 Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	14.812.357.111.927	8.495.819.966.148
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	29.1	(18.486.455.558)	(10.929.017.779)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	29.1	14.793.870.656.369	8.484.890.948.369
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	30	(13.095.850.096.406)	(7.529.474.887.367)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.698.020.559.963	955.416.061.002
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	29.2	261.525.548.626	185.993.397.083
22	7. Chi phí tài chính	31	(317.006.290.329)	(296.744.052.757)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay (không bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)		(254.935.708.697)	(266.942.952.198)
24	8. Phần lãi trong công ty liên kết, liên doanh	18.1	(3.311.137.091)	(10.142.552.591)
25	9. Chi phí bán hàng	32	(936.812.769.118)	(286.274.700.803)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32	(361.769.177.230)	(323.383.655.651)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		340.646.734.821	224.864.496.283
31	12. Thu nhập khác	33	11.370.309.369	74.345.039.846
32	13. Chi phí khác	33	(25.462.432.220)	(8.610.197.327)
40	14. (Lỗ)/lợi nhuận khác		(14.092.122.851)	65.734.842.519
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		326.554.611.970	290.599.338.802
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	35.1	(116.509.845.514)	(48.665.648.672)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	35.3	28.404.456.231	230.907.051
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		238.449.222.687	242.164.597.181
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		58.849.376.123	77.331.245.623
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		179.599.846.564	164.833.351.558

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	37	222	143
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	37	222	143



Hồ Thị Hòa  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>326.554.611.970</b>	<b>290.599.338.802</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư, hao mòn tài sản cố định vô hình, phân bổ lợi thế thương mại, lãi từ giao dịch mua giá rẻ và phân bổ chi phí thuê đất trả trước dài hạn		484.380.036.196	374.672.291.385
03	Các khoản dự phòng		(1.707.159.946)	12.268.849.037
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		6.145.163.863	1.321.105.673
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(164.095.224.772)	(150.092.227.563)
06	Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	31	272.342.359.042	272.897.430.776
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>923.619.786.353</b>	<b>801.666.788.110</b>
09	Giảm các khoản phải thu		100.301.690.629	10.590.555.064
10	Giảm hàng tồn kho		(76.171.296.412)	254.171.780.077
11	Giảm các khoản phải trả		(94.011.743.653)	(76.757.901.146)
12	(Tặng)/giảm chi phí trả trước		(27.501.072.332)	16.086.755.572
13	Giảm chứng khoán kinh doanh		-	59.670.020.000
14	Tiền lãi vay đã trả		(245.162.769.638)	(242.175.321.501)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(100.357.976.082)	(66.096.886.277)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	27	(56.036.642.421)	(67.838.694.968)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>424.679.976.444</b>	<b>689.317.094.931</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác		(851.184.534.564)	(421.476.246.298)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		6.724.612.948	19.599.063.535
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(939.452.700.000)	(1.581.120.373.975)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		1.183.462.557.100	2.688.224.205.063
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(527.359.705.516)	(752.872.806.869)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		378.388.353.000	223.988.354.696
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		136.544.255.339	158.213.322.884
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(612.877.161.693)</b>	<b>334.555.519.036</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu		1.249.912.390.488	370.196.820.000
33	Tiền thu từ đi vay		10.437.669.117.322	7.757.011.231.585
34	Tiền trả nợ gốc vay		(10.341.785.860.145)	(8.252.894.269.881)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		(16.841.205.320)	(9.132.076.664)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(88.553.930.788)	(76.391.119.877)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>1.240.400.511.557</b>	<b>(211.209.414.837)</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>1.052.203.326.308</b>	<b>812.663.199.130</b>
<b>60</b>	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>1.133.312.021.167</b>	<b>321.446.345.314</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(8.130.394.043)	(797.523.277)
<b>70</b>	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>5</b>	<b>2.177.384.953.432</b>	<b>1.133.312.021.167</b>

Hồ Thị Hòa  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Do Huy Cường  
Phó Tổng giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0801210129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 31 tháng 3 năm 2017. Công ty cũng đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp điều chỉnh sau đó với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 12 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cấp ngày 1 tháng 3 năm 2022.

Vào ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty đã chính thức được chấp thuận niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là APH.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là hoạt động tư vấn quản lý và kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp cho đến thời điểm hoàn thành và bàn giao cho khách hàng, do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư và phát triển hạ tầng khu công nghiệp của Tập đoàn có thể kéo dài trên 12 tháng. Chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động thông thường khác là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại Lô CN11+CN12, cụm công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

Công ty có văn phòng đại diện có địa chỉ tại Tầng 17, Tòa nhà PV Oil, số 148 Hoàng Quốc Việt, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 92 người (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 101 người).

**Cơ cấu tổ chức**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 16 công ty con (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 13 công ty con) với chi tiết như sau:

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Nhựa An Phát Xanh (“Công ty Nhựa An Phát Xanh”)	Lô CN11+CN12, cụm Công nghiệp An Đồng, thị trấn Nam Sách, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương	50,75	50,75	Mua bán máy móc, vật tư, nguyên liệu sản phẩm nhựa, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm nhựa.
2	Công ty Cổ phần An Tiến Industries (“Công ty An Tiến”)*	Khu Công nghiệp phía Nam, xã Văn Tiến, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái	25,64	50,51	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa.
3	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát (“Công ty An Phát Complex”)*	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	46,73	92,06	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp.
4	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát 1 (“Công ty An Phát Complex 1”)*	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	23,83	51,00	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

10/1  
 001  
 JM  
 NH  
 1  
 1.5



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

**Cơ cấu tổ chức** (tiếp theo)

STT	Công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Hoạt động chính
5	An Thanh Bicol Singapore PTE. Ltd ("Công ty An Thành Singapore") (*)	Số 8, Temasek Boulevard # 44-00 Suntec Tower Three, Singapore	25,64	100	Bán buôn chuyên doanh hạt nhựa PP, PE, PS, PVS, ABS...
6	Công ty Cổ phần An Thành Bicol ("Công ty An Thành") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	33,04	99,37	Kinh doanh hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
7	Công ty Cổ phần Liên vận An Tín ("Công ty An Tín") (*)	Số 64.22 đường Phạm Hùng, phường Tứ Minh, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	17,95	70,00	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường ven biển và biển dương.
8	Công ty Cổ phần Nhựa và Bao bì An Vinh ("Công ty An Vinh") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	45,10	87,68	Sản xuất, mua bán bao bì PP, PE và các sản phẩm bằng nhựa.
9	Công ty An Phat International, Inc. ("Công ty APA") (*) (***)	Tòa nhà văn phòng 10701, Dãy 268, thành phố Stafford, bang Texas, Mỹ	50,75	75,00	Đầu tư, kinh doanh các sản phẩm màng mỏng và các sản phẩm nhựa khác
10	Công ty AFC EcoPlastics, LLC ("Công ty AFC") (*) (***)	PO Box 1831, thành phố Austin, bang Texas 78767, Mỹ	38,07	75	Kinh doanh hạt nhựa
11	Công ty Cổ phần Nhựa Hà Nội ("Công ty Nhựa Hà Nội")	Tổ 12, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội	56,23	66,75	Sản xuất, mua bán các sản phẩm nhựa công nghiệp và các loại khuôn mẫu.
12	Công ty TNHH An Trung Industries ("Công ty An Trung") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56,23	100	Sản xuất hạt nhựa và các sản phẩm nhựa.
13	Công ty TNHH Phát triển Xuất nhập khẩu và Đầu tư – VIEXIM ("Công ty VIEXIM") (*)	Thôn Hào, xã Liêu Xá, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên	56,23	100	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về nhựa.
14	Công ty TNHH MTV Cơ khí chính xác và chế tạo khuôn mẫu Việt Nam ("Công ty VMC") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56,23	100	Sản xuất sản phẩm gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại.
15	Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Công nghệ cao An Cường ("Công ty An Cường") (*)	Khu Công nghiệp Kỹ thuật cao An Phát, Km 47, Quốc lộ 5, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	56,53	99,95	Sản xuất vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất.
16	Công ty Cổ phần Sản xuất PBAT An Phát ("Công ty PBAT") (**)	Lô CN5-04 Khu Phi thuế quan và Khu Công nghiệp Nam Đình Vũ – Cát Hải, phường Đông Hải 2, quận Hải An, Hải Phòng	92,31	92,31	Sản xuất sản phẩm từ nhựa plastic, chi tiết sản xuất sản phẩm nhựa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

### *Cơ cấu tổ chức* (tiếp theo)

- (\*) Công ty sở hữu các công ty con này trực tiếp và gián tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc một số công ty con khác, theo đó, tỷ lệ lợi ích trong các công ty con này khác với tỷ lệ biểu quyết.
- (\*\*) Trong năm, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty PBAT với số tiền là 106 tỷ VND. Tổng số vốn điều lệ của Công ty PBAT là 130 tỷ VND, trong đó, Công ty đăng ký góp 92,31%.
- (\*\*\*) Trong tháng 4 năm 2021, Công ty An Phát Xanh, công ty con, đã hoàn tất việc mua 7.425.000 cổ phần phát hành mới của Công ty APA, theo đó, Công ty APA trở thành công ty con của Công ty với tỷ lệ sở hữu 99,99%. Tại ngày mua, Công ty APA sở hữu 75% vốn điều lệ trong Công ty AFC. Theo đó, thông qua giao dịch này, Công ty AFC cũng trở thành công ty con của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn cũng sở hữu một số khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 18.

## 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

### 2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

### 2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

### 2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 2 CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

### 2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của công ty mẹ chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa Công ty và các công ty con và giữa các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

## 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

### 3.1 Các thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

### 3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 3.3 Hàng tồn kho

#### Hàng hóa bất động sản

Bất động sản khu công nghiệp được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa bất động sản đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- ▶ Chi phí đầu giá quyền sử dụng đất;
- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, chi phí quản lý xây dựng chung, chi phí làm đường và xây dựng hệ thống thoát nước, chi phí trồng cây xanh, và các chi phí liên quan khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

##### *Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)*

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết tính giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích hoặc giá trị hợp lý tương ứng của bất động sản đó.

##### *Hàng tồn kho khác*

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho khác với giá trị được xác định như sau:

Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ, hàng hóa	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### *Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Thuê tài sản**

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê*

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.7 Thuê tài sản (tiếp theo)

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê (tiếp theo)*

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

*Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê*

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

#### 3.8 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình, tài sản thuê tài chính và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	3 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	4 - 25 năm
Phương tiện vận tải	3 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Cây lâu năm	5 - 30 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	3 - 12 năm
Quyền sử dụng đất	18 - 49 năm

#### 3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25 năm
Máy móc, thiết bị	6 - 10 năm
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 năm
Tài sản khác	6 - 10 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.9 *Bất động sản đầu tư* (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

#### 3.10 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

#### 3.11 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- ▶ Quyền sử dụng đất tương ứng với các lô đất cho thuê hoặc sử dụng;
- ▶ Chi phí trả trước về thuê đất và thuê cơ sở hạ tầng;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh lớn; và
- ▶ Các chi phí khác.

#### 3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản và nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ, công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

*Thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con nhưng không mất quyền kiểm soát*

Khi Công ty mua thêm lợi ích trong công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ của phần lợi ích mua thêm được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

Khi Công ty chuyển nhượng một phần lợi ích trong công ty con mà không mất quyền kiểm soát, phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng và giá trị ghi sổ của phần lợi ích đã chuyển nhượng được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc lỗ lũy kế.

#### 3.13 *Các khoản đầu tư*

*Đầu tư vào các công ty liên kết*

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp Tập đoàn tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết nhưng chưa có quyền kiểm soát trong công ty liên kết này, khoản đầu tư tăng lên trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp giá gốc.

Trường hợp Tập đoàn tăng tỷ lệ lợi ích trong công ty liên kết, khi đạt được quyền kiểm soát, giá trị khoản đầu tư của công ty liên kết được đánh giá lại theo giá trị hợp lý. Phần chênh lệch giữa giá đánh giá lại và giá trị khoản đầu tư theo phương pháp vốn chủ sở hữu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty dừng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ thời điểm khoản đầu tư không còn là công ty liên kết. Phần lãi/(lỗ) từ việc thanh lý khoản đầu tư trong công ty liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.13 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

##### *Đầu tư vào liên doanh*

Khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp này, khoản đầu tư của Tập đoàn vào công ty liên doanh được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty liên doanh sau khi liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên doanh sau khi liên doanh.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của công ty liên doanh được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi liên doanh của các quỹ của công ty liên doanh được ghi nhận vào quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi liên doanh được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên doanh. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên doanh được căn trừ vào giá trị khoản đầu tư vào công ty liên doanh.

Báo cáo tài chính của công ty liên doanh được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

##### *Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Trường hợp Công ty có một phần vốn nắm giữ tại công ty con, sau khi thoái vốn Công ty mất quyền kiểm soát và công ty con trở thành khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty thì khoản đầu tư được trình bày theo phương pháp giá gốc. Kết quả của việc giảm vốn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

##### *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

##### *Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư khác*

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### 3.14 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.15 Người mua trả tiền trước**

Các khoản tiền khách hàng ứng trước để mua hàng hóa hoặc dịch vụ trong tương lai mà chưa đủ điều kiện để được ghi nhận là doanh thu trong năm được phản ánh trong tài khoản "Người mua trả tiền trước" trong phần nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

**3.16 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Cho mục đích hợp nhất, báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của công ty con ở nước ngoài sẽ được chuyển đổi sang VND dựa trên:

- ▶ Báo cáo tài chính được trình bày bằng ngoại tệ và được lập theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- ▶ Hướng dẫn về việc chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang báo cáo tài chính được chuyển đổi sang VND của Thông tư 200/2014-TT/BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của công ty con cho mục đích hợp nhất được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi mất quyền kiểm soát trong công ty con.

2-0  
TV  
H  
XC  
VA  
IÁI  
IỘ  
11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.17 *Cổ phiếu ưu đãi*

Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả nếu bắt buộc người phát hành phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó tại một thời điểm đã được xác định trong tương lai và nghĩa vụ mua lại cổ phiếu phải được ghi rõ ngay trong hồ sơ phát hành tại thời điểm phát hành cổ phiếu. Cổ phiếu ưu đãi được phân loại là vốn chủ sở hữu nếu người phát hành không có nghĩa vụ phải mua lại cổ phiếu ưu đãi đó.

#### 3.18 *Trái phiếu kèm chứng quyền*

Trái phiếu kèm chứng quyền với điều khoản chứng quyền có thể thực hiện quyền mua cổ phần của Công ty hoặc các công ty con, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần chứng quyền có thể thực hiện quyền mua cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu nêu trên (do không thể xác định được chắc chắn số lượng cổ phiếu phổ thông có thể được phát hành cho việc nhà đầu tư thực hiện quyền mua của chứng quyền) và đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả dài hạn.

#### 3.19 *Trái phiếu hoán đổi*

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định của Công ty, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền hoán đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) trừ trường hợp không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu theo điều khoản hợp đồng (toàn bộ khoản trái phiếu được ghi nhận là nợ phải trả).

Trái phiếu hoán đổi, mà có thể được hoán đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông của đơn vị, khác với đơn vị phát hành (Công ty), được ghi nhận toàn bộ là nợ phải trả và trình bày trên chỉ tiêu vay và nợ dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### 3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên của các công ty tương ứng:

##### *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

##### *Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.21 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất*

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu bất động sản được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

Doanh thu cho thuê dài hạn đất và cơ sở hạ tầng trên đất cũng bao gồm doanh thu ghi nhận một lần từ việc cho thuê dài hạn bất động sản. Trường hợp thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của tài sản, Tập đoàn lựa chọn phương pháp ghi nhận doanh thu một lần nếu thỏa mãn đồng thời các điều kiện sau:

- ▶ Số tiền nhận trước từ việc cho thuê không nhỏ hơn 90% tổng số tiền cho thuê dự kiến thu được theo hợp đồng trong suốt thời hạn cho thuê và bên đi thuê phải thanh toán toàn bộ số tiền thuê trong vòng 12 tháng kể từ thời điểm khởi đầu thuê tài sản;
- ▶ Hầu như toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuê đã chuyển giao cho bên đi thuê; và
- ▶ Doanh nghiệp cho thuê phải ước tính được tương đối đầy đủ giá vốn của hoạt động cho thuê.

*Doanh thu bán nhà xưởng*

Doanh thu bán nhà xưởng được ghi nhận khi phần lớn các rủi ro và lợi ích trọng yếu gắn liền với quyền sở hữu nhà xưởng được chuyển giao cho người mua và doanh thu có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn.

*Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư*

Doanh thu cho thuê bất động sản theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu từ cung cấp dịch vụ sẽ được ghi nhận khi dịch vụ được thực hiện và hoàn thành.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

##### *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

*Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, chuyển nhượng vốn*

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và chuyển nhượng vốn được xác định là phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn chứng khoán. Thu nhập này được ghi nhận vào ngày phát sinh giao dịch, tức là khi hợp đồng chuyển nhượng được thực hiện.

#### 3.22 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

##### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.22 Thuế (tiếp theo)

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### 3.23 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong tương lai tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.24 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc xác định báo cáo bộ phận của Tập đoàn theo khu vực địa lý của việc bán hàng và dựa trên hoạt động kinh doanh dựa trên loại hình sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

**3.25 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình mật thiết của các cá nhân này.

**4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA CÔNG TY CON TRONG NĂM**

***Công ty An Phat International, Inc. (“Công ty APA”)***

Tháng 4 năm 2021, Công ty An Phat International, Inc. (“Công ty APA”) đã phát hành thêm 7.425.000 cổ phần, tương đương 99,997% tổng vốn cổ phần, cho Công ty Nhựa An Phát Xanh với tổng giá phí là 7.425.000 USD, tương đương với 171.594.400.000 VND. Theo đó, Công ty APA trở thành công ty con của Tập đoàn. Tại ngày mua, Công ty APA sở hữu 75% phần vốn góp trong Công ty AFC EcoPlastics, LLC (“Công ty AFC”). Thông qua giao dịch này, Tập đoàn cũng đã gián tiếp sở hữu Công ty AFC. Hoạt động chính của Công ty APA và Công ty AFC là kinh doanh các sản phẩm nhựa.

Trong tháng 7 năm 2021, Công ty Nhựa An Phát Xanh tiếp tục góp vốn 55,6 tỷ VND vào An Phat International, Inc. và nâng tỷ lệ vốn nắm giữ của Tập đoàn tại An Phat International, Inc. lên 99,998%.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**4. CÁC GIAO DỊCH QUAN TRỌNG VỀ MUA CÔNG TY CON TRONG NĂM (tiếp theo)**

**Công ty An Phat International, Inc. (“Công ty APA”)** (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Công ty APA và Công ty AFC tại ngày mua được trình bày dưới đây:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Giá trị hợp lý ghi nhận tại ngày mua</i>
<b>Tài sản</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	54.784.900.780
Các khoản phải thu và ứng trước cho nhà cung cấp	239.862.735.180
Hàng tồn kho	105.251.525.280
Các tài sản ngắn hạn khác	1.156.652.340
Phải thu về cho vay dài hạn	26.197.200.000
Tài sản cố định hữu hình	19.443.791.640
Tài sản cố định vô hình	1.682.687.520
Tài sản dài hạn khác	845.204.400
	<b>449.224.697.140</b>
<b>Nợ phải trả</b>	
Vay	44.424.655.440
Phải trả người bán và người mua trả tiền trước	253.236.707.240
Phải trả khác	3.707.039.040
	<b>301.368.401.720</b>
<b>Tổng tài sản thuần</b>	<b>147.856.295.420</b>
Cổ đông không kiểm soát	10.540.435.070
Lợi thế thương mại ( <i>Thuyết minh số 20</i> )	13.197.669.510
<b>Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh</b>	<b>171.594.400.000</b>
<b>Thông tin lưu chuyển tiền tệ từ việc mua công ty con</b>	
Tiền thu về từ công ty con	54.784.900.780
Tiền chi để mua công ty con (*)	(171.594.400.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hợp nhất kinh doanh</b>	<b>(116.809.499.220)</b>

(\*) Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 171,6 tỷ VND được thanh toán bằng tiền, bao gồm 115,8 tỷ VND được thanh toán vào năm 2020 và 55,8 tỷ VND được thanh toán trong năm nay.

Kể từ ngày mua, Công ty APA và Công ty AFC, đã ghi nhận lỗ 31,1 tỷ VND vào lợi nhuận thuần trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn.

Doanh thu và lỗ thuần trước thuế của Công ty APA và Công ty AFC cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 đến trước ngày hợp nhất lần lượt là 303,6 tỷ VND và 2,4 tỷ VND.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền mặt	2.254.913.262	1.920.217.290
Tiền gửi ngân hàng	1.263.382.774.787	273.839.038.243
Các khoản tương đương tiền	911.747.265.383	857.552.765.634
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>2.177.384.953.432</u></b>	<b><u>1.133.312.021.167</u></b>

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng VND và USD với kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 2,4%/năm đến 5,4%/năm với tiền gửi bằng VND và 0% với tiền gửi bằng USD (ngày 31 tháng 12 năm 2020: tiền gửi có kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng và hưởng mức lãi suất từ 3%/năm đến 4,2%/năm với tiền gửi bằng VND và 0% với tiền gửi bằng USD).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản tiền gửi với tổng giá trị là 37,1 tỷ đang được thế chấp cho một số khoản vay với một ngân hàng thương mại như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

**6. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	11.156.000.000	11.156.000.000	682.600.000.000	682.600.000.000
Trái phiếu (ii)	425.000.000.000	425.000.000.000	96.000.000.000	96.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>436.156.000.000</u></b>	<b><u>436.156.000.000</u></b>	<b><u>778.600.000.000</u></b>	<b><u>778.600.000.000</u></b>

(i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại có thời hạn còn lại từ 6 đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,9%/năm đến 5,5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2020: từ 4%/năm đến 7,4%/năm).

Trong đó, các khoản tiền gửi với số tiền là 9 tỷ VND đang được thế chấp cho một số khoản vay ngân hàng của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

(ii) Đây là các khoản trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS được cam kết mua lại với thông tin cụ thể như sau:

<i>Đơn vị phát hành</i>	<i>Thời gian cam kết mua lại</i>	<i>Số tiền theo mệnh giá (VND)</i>	<i>Số tiền mua lại (VND)</i>
Công ty Cổ phần Chứng khoán VPS	Tháng 4 năm 2022	425.000.000.000	438.150.544.444
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b><u>425.000.000.000</u></b>	<b><u>438.150.544.444</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

**7.1 Phải thu khách hàng**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh hạt nhựa, bao bì, phụ gia và nhựa kỹ thuật	1.352.932.957.281	727.806.936.146
Phải thu về chuyển nhượng cổ phần (*)	161.040.000.000	-
Phải thu từ cho thuê đất, hạ tầng khu công nghiệp và bán nhà xưởng	24.493.448.269	186.191.924
Phải thu từ cung cấp dịch vụ và khác	27.843.343.890	16.989.351.675
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.566.309.749.440</b>	<b>744.982.479.745</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(9.600.118.980)	(5.210.485.100)
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn từ khách hàng</i>	<i>1.557.670.532.900</i>	<i>705.148.810.129</i>
<i>Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>	<i>13.274.034.640</i>	<i>39.833.669.616</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải thu dài hạn từ các bên liên quan (Thuyết minh số 36) (**)	68.443.341.120	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>68.443.341.120</b>	<b>-</b>

(\*) Đây là các khoản phải thu từ giao dịch bán 49,9% cổ phần trong Công ty An Phát Complex 1 với số dư phải thu còn lại là 89.040.000.000 VND và phải thu từ giao dịch bán 1.800.000 cổ phiếu Công ty Nhựa Hà Nội (mã cổ phiếu NHH) với giá trị là 72.000.000.000 VND thông qua phương thức khớp lệnh vào ngày 31 tháng 12 năm 2021.

(\*\*) Đây là khoản phải thu dài hạn từ Công ty Ankor Bioplastics Co.Ltd có kỳ hạn 60 tháng, hưởng lãi suất 1%/năm.

**7.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Trả trước chi phí xây dựng (i)	94.036.528.990	461.456.211.539
Trả trước mua nguyên vật liệu, máy móc thiết bị	379.126.874.431	244.879.617.144
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	8.338.443.625	78.896.667.278
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>481.501.847.046</b>	<b>785.232.495.961</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.226.080.800)	(1.243.920.600)

(i) Chủ yếu là số dư ứng trước cho Công ty Cổ phần Xây lắp ANI ("Công ty ANI") cho mục đích xây dựng các nhà xưởng thuộc Dự án Khu Công nghiệp Anh Bình Quốc Tuấn và Nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì vi sinh phân hủy hoàn toàn (Nhà máy số 8).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**8. PHẢI THU VỀ CHO VAY**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Đối tác doanh nghiệp số 1	67.000.000.000	-
Đối tác doanh nghiệp số 2	40.000.000.000	-
Đối tác doanh nghiệp số 4	28.350.000.000	-
Công ty ANI	-	8.380.754.939
Công ty Cổ phần Premier Outlet	-	8.100.000.000
Cho vay đối tượng khác	-	25.951.590.561
Cho vay bên liên quan ( <i>Thuyết minh số 36</i> )	<u>76.306.400.000</u>	<u>5.292.300.000</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>211.656.400.000</u></b>	<b><u>47.724.645.500</u></b>
Dự phòng phải thu khó đòi		- (5.292.300.000)
<b>Dài hạn</b>		
Đối tác doanh nghiệp số 5	<u>14.699.588.400</u>	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.699.588.400</u></b>	-

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay các đối tác doanh nghiệp không phải là bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

<i>Bên vay</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2021 (VND)</i>	<i>Lãi suất (%/năm)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc và lãi</i>	<i>Tài sản đảm bảo</i>
<b>Ngắn hạn</b>				
Đối tác doanh nghiệp số 1	67.000.000.000	9%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2022	Tín chấp
Đối tác doanh nghiệp số 2	40.000.000.000	9%	Đáo hạn vào tháng 5 năm 2022	Tín chấp
Đối tác doanh nghiệp số 4	28.350.000.000	3%	Đáo hạn vào tháng 12 năm 2022	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>135.350.000.000</u></b>			
<b>Dài hạn</b>				
Đối tác doanh nghiệp số 5	<u>14.699.588.400</u>	10%	Đáo hạn vào tháng 1 năm 2023.	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.699.588.400</u></b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**9. PHẢI THU KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Đặt cọc mua cổ phần (i)	139.200.000.000	115.829.400.000
Tạm ứng cho nhân viên	32.357.963.269	71.323.892.651
Đặt cọc, ký quỹ ngắn hạn	37.581.119.128	36.243.658.636
Lãi cho vay, tiền gửi	16.699.237.921	33.747.876.456
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (iii)	16.958.567.727	-
Phải thu khác	16.068.058.644	15.145.758.246
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>258.864.946.689</b>	<b>272.290.585.989</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	<i>240.841.848.556</i>	<i>137.226.660.393</i>
<i>Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>	<i>18.023.098.133</i>	<i>135.063.925.596</i>
<b>Dài hạn</b>		
Ký quỹ dài hạn	8.006.235.920	3.981.114.021
Phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư (iii)	-	15.935.714.272
Phải thu khác (iv)	14.925.243.000	15.636.593.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>22.931.478.920</b>	<b>35.553.421.293</b>

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, khoản đặt cọc này chủ yếu cho mục đích mua 4.550.000 cổ phần của Công ty An Vinh từ một đối tác doanh nghiệp và mua 2.900.000 cổ phần của Công ty An Tín từ một số đối tác cá nhân.

(ii) Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 28.11/2017/HĐHT/HP-AP-BY ngày 28 tháng 11 năm 2017 giữa ba bên là Công ty, Công ty Cổ phần Thương mại và Du lịch Hoàng Phương (“Công ty Hoàng Phương”) và Công ty Cổ phần Du lịch Quốc tế Bảo Yến, Công ty đã góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện đồng mới, vận hành, khai thác tàu du lịch Hoàng Phương QN8589. Theo điều khoản của hợp đồng hợp tác đầu tư, Công ty nhận được phí khai thác cố định hàng tháng sau khi tàu đi vào vận hành.

Theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 1101/2021/HĐCNV/APH-HP ngày 11 tháng 1 năm 2021, Công ty đã đồng ý chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong hợp đồng hợp tác đầu tư ban đầu cho Công ty Hoàng Phương với tổng giá trị chuyển nhượng là 15,6 tỷ VND được thanh toán trong 6 đợt và hoàn thành trước Quý 2 năm 2022. Theo đó, trong năm Công ty đã phân loại khoản phải thu dài hạn sang phải thu ngắn hạn khác.

Khoản phải thu ngắn hạn nêu trên bao gồm phí chuyển nhượng và lãi phải thu từ hoạt động hợp tác trước thời điểm chuyển nhượng vốn góp.

(iii) Chủ yếu là số dư tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất được trừ vào tiền thuê đất phải nộp hàng năm của dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì số 6 (“Nhà máy số 6”) từ tháng 6 năm 2017 đến tháng 12 năm 2043.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**10. HÀNG TỒN KHO**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Dự phòng</i>
Nguyên liệu, vật liệu	418.489.686.648	-	399.464.752.077	-
Hàng hóa	377.597.385.226	-	120.564.000.000	-
Thành phẩm	190.075.039.349	(3.438.355.243)	188.075.643.876	(1.769.232.552)
Hàng mua đang đi đường	136.671.155.821	-	84.023.121.372	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	111.062.787.503	-	41.360.379.313	-
Công cụ, dụng cụ	51.434.489.382	-	38.667.333.457	-
Hạ tầng các khu công nghiệp	15.837.382.659	-	286.153.699.917	-
Hàng gửi bán	38.807.445.524	-	243.620.408	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.339.975.372.112</b>	<b>(3.438.355.243)</b>	<b>1.158.552.550.420</b>	<b>(1.769.232.552)</b>

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	1.769.232.552	1.247.089.215
Trích lập dự phòng trong năm	2.606.000.614	522.143.337
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(936.877.923)	-
Số cuối năm	<b>3.438.355.243</b>	<b>1.769.232.552</b>

Một số hàng tồn kho với giá trị khoảng 472,1 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

**11. NỢ XẤU**

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi được</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị có thể thu hồi được</i>
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Xuất Nhập khẩu Phúc Hưng	8.338.103.600	-	8.338.103.600	4.169.051.800
Công ty TNHH Dalian Hualaito Trading	1.226.080.800	-	1.243.920.600	-
Khác	1.262.015.380	-	6.333.733.300	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.826.199.780</b>	<b>-</b>	<b>15.915.757.500</b>	<b>4.169.051.800</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Nguyên giá:	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm	Tài sản khác	Đơn vị tính: VND
Số đầu năm	1.201.887.845.513	2.670.264.374.195	324.480.202.938	20.021.297.907	15.517.020.000	33.278.212.645	4.265.448.953.198
- Mua trong năm	2.437.008.939	40.394.960.291	6.077.245.633	1.318.060.909	4.809.950.000	414.000.000	55.451.225.772
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	(975.311.272)	(37.330.850.778)	(9.083.383.425)	(692.168.324)	(865.970.000)	(902.363.636)	(49.850.047.435)
- Tặng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	33.403.016.808	13.864.621.761	-	331.291.818	-	5.179.086.963	52.778.017.350
- Thanh lý, nhượng bán	10.719.357.657	-	7.972.562.164	751.871.819	-	-	19.443.791.640
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	(142.132.800)	(530.880)	(93.289.977)	(12.610.443)	-	-	(248.564.100)
Số cuối năm	1.247.329.784.845	2.687.192.574.589	329.353.337.333	21.717.743.686	19.461.000.000	37.988.935.972	4.343.023.376.425
<i>Trong đó:</i>							
Đã khấu hao hết	23.938.346.656	307.138.043.118	26.849.161.842	1.390.442.610	85.000.000	1.945.169.901	361.346.164.127
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>							
Số đầu năm	184.621.391.087	905.397.499.166	143.048.926.071	7.873.519.670	7.814.213.731	15.219.277.681	1.263.974.827.406
- Khấu hao trong năm	57.898.045.057	249.284.412.050	36.714.743.441	3.252.166.279	1.229.932.227	3.497.581.789	351.876.880.843
- Thanh lý, nhượng bán	(975.311.272)	(36.794.435.534)	(4.889.419.941)	(692.168.324)	(865.970.000)	(547.721.862)	(44.765.026.933)
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	(5.327.868)	(61.958)	(21.587.795)	(4.219.285)	-	-	(31.196.906)
Số cuối năm	241.538.797.004	1.117.887.413.724	174.852.661.776	10.429.298.340	8.178.175.958	18.169.137.608	1.571.055.484.410
<b>Giá trị còn lại:</b>							
Số đầu năm	1.017.266.454.426	1.764.866.875.029	181.431.276.867	12.147.778.237	7.702.806.269	18.058.934.964	3.001.474.125.792
Số cuối năm	1.005.790.987.841	1.569.305.160.865	154.500.675.557	11.288.445.346	11.282.824.042	19.799.798.364	2.771.967.892.015

Một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại khoảng 2.346,8 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Máy móc thiết bị sản xuất</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	99.790.264.906	-	99.790.264.906
- Thuê trong năm	49.053.708.601	900.000.000	49.953.708.601
Số cuối năm	<u>148.843.973.507</u>	<u>900.000.000</u>	<u>149.743.973.507</u>
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>			
Số đầu năm	7.910.723.083	-	7.910.723.083
- Khấu hao trong năm	11.950.266.468	18.616.667	11.968.883.135
Số cuối năm	<u>19.860.989.551</u>	<u>18.616.667</u>	<u>19.879.606.218</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	91.879.541.823	-	91.879.541.823
Số cuối năm	<u>128.982.983.956</u>	<u>881.383.333</u>	<u>129.864.367.289</u>

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>		
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số đầu năm	94.014.058.865	12.472.646.291	106.486.705.156
- Mua trong năm	-	489.334.000	489.334.000
- Tăng do mua công ty con (Thuyết minh số 4)	1.682.687.520	-	1.682.687.520
- Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính cho mục đích hợp nhất	(21.967.200)	-	(21.967.200)
Số cuối năm	<u>95.674.779.185</u>	<u>12.961.980.291</u>	<u>108.636.759.476</u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>			
Số đầu năm	15.359.050.515	2.354.157.566	17.713.208.081
- Hao mòn trong năm	2.857.844.184	1.959.521.583	4.817.365.767
Số cuối năm	<u>18.216.894.699</u>	<u>4.313.679.149</u>	<u>22.530.573.848</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số đầu năm	<u>78.655.008.350</u>	<u>10.118.488.725</u>	<u>88.773.497.075</u>
Số cuối năm	<u>77.457.884.486</u>	<u>8.648.301.142</u>	<u>86.106.185.628</u>

Một số tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại khoảng 78,1 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 15. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Khác	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	378.999.081.346	73.789.801.262	2.851.715.129	20.740.581.726	476.381.179.463
- Tăng trong năm	111.002.171.301	1.163.095.640	-	193.984.046	112.359.250.987
Số cuối năm	490.001.252.647	74.952.896.902	2.851.715.129	20.934.565.772	588.740.430.450
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	16.833.817.331	9.285.029.731	691.490.132	2.923.438.997	29.733.776.191
- Khấu hao trong năm	20.946.687.985	9.714.703.225	481.231.032	2.617.842.906	33.760.465.148
Số cuối năm	37.780.505.316	18.999.732.956	1.172.721.164	5.541.281.903	63.494.241.339
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	362.165.264.015	64.504.771.531	2.160.224.997	17.817.142.729	446.647.403.272
Số cuối năm	452.220.747.331	55.953.163.946	1.678.993.965	15.393.283.869	525.246.189.111

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này.

Một số bất động sản đầu tư với giá trị còn lại khoảng 398,6 tỷ VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho một số khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**16. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA**

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 16,6 tỷ VND (2020: 20,1 tỷ VND). Các khoản chi phí đi vay này liên quan trực tiếp đến các khoản vay để đầu tư xây dựng cơ bản.

**17. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dự án Khu Công nghiệp An Bình Quốc Tuấn (i)	546.079.469.750	-
Nhà máy sản xuất hạt nhựa và bao bì số 8	223.525.559.416	213.384.210.314
Nhà máy sản xuất chất dẻo phân hủy sinh học PBAT	75.543.380.052	-
Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex (ii)	69.237.189.047	145.190.678.617
Máy móc thiết bị chờ lắp đặt	15.003.143.926	11.883.345.888
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	10.154.990.752	16.271.104.811
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>939.543.732.943</b>	<b>386.729.339.630</b>

(i) Chủ yếu bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khảo sát xây dựng dự án và các chi phí liên quan khác Khu Công nghiệp An Bình Quốc Tuấn. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tập đoàn chưa có kế hoạch cụ thể bán hay cho thuê các lô đất thuộc dự án này, do đó, toàn bộ chi phí phát sinh từ Dự án Khu Công nghiệp An Bình Quốc Tuấn được phân loại ở chi tiêu Chi phí xây dựng cơ bản dở dang.

(ii) Chủ yếu bao gồm chi phí đấu giá quyền sử dụng đất, chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng nhà xưởng, chi phí mua sắm máy móc thiết bị và các chi phí khác liên quan một số lô đất và tài sản gắn liền trên đất được phân loại cho mục đích cho thuê hoạt động thuộc Dự án Khu Công nghiệp An Phát Complex. Việc phân loại này dựa trên kế hoạch hoạt động kinh doanh hiện tại của Tập đoàn đối với các lô đất này.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Dự phòng	
18.1					
Đầu tư vào công ty liên kết					
Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh (**)	93.250.535.333	-	66.900.966.400	-	58.279.927.500
Công ty Cổ phần ANCOP ("Công ty ANCOP")	980.000.000	-	(*)	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất Tổng hợp Sunrise Việt Nam ("Công ty Sunrise")	32.075.519.850	-	(*)	-	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Xăng dầu An Đông ("Công ty An Đông")	6.600.000.000	-	(*)	600.000.000	-
18.1					
Đầu tư vào công ty liên doanh					
Công ty TNHH Linh kiện nhựa Ô tô Vinfast – An Phát ("Công ty Vinfast – An Phát")	-	-	-	-	74.486.534.965
Đầu tư vào đơn vị khác	17.995.000.000	-	(*)	-	1.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30.000.000.000	-	(*)	-	70.000.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.901.055.183</b>	<b>-</b>	<b>263.126.429.952</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

(\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư và trái phiếu này.

(\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Nhựa Bao bì Vĩnh được tính dựa trên giá cổ phiếu của công ty này trên thị trường chứng khoán vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

### 18.1 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm		Hoạt động chính
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	34,84	34,84	34,54	34,54	Sản xuất mua bán bao bì và các sản phẩm nhựa khác
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	49	49	-	-	Cung cấp, phân phối nước cho khu công nghiệp
Công ty Ancop	48	48	48	48	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh
Công ty Sunrise	30	30	30	30	Kinh doanh xăng, dầu
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh</b>	-	-	50	50	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe
Công ty Vinfast – An Phát	-	-	-	-	

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh này như sau:

Số đầu năm	Đầu tư thêm trong năm	Phân chia lãi/(lỗ) từ các công ty liên kết, liên doanh sau ngày mua	Cổ tức được chia	Công ty liên kết trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm	Thanh lý khoản đầu tư	Số cuối năm	Đơn vị tính: VND
89.504.631.610	100.858.515	9.732.312.634	(4.056.630.840)	(2.030.303.264)	-	93.250.868.655	
-	980.000.000	-	-	-	-	980.000.000	
27.035.263.377	-	5.040.256.473	-	-	-	32.075.519.850	
600.000.000	6.000.000.000	-	-	-	-	6.600.000.000	
74.486.534.965	-	(18.083.706.198)	-	-	(56.402.828.767)	-	
<b>191.626.429.952</b>	<b>7.080.858.515</b>	<b>(3.311.137.091)</b>	<b>(4.056.630.840)</b>	<b>(2.030.303.264)</b>	<b>(56.402.828.767)</b>	<b>132.906.388.505</b>	

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

#### 18.1 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh (tiếp theo)

- (i) Trong năm 2021, Công ty An Phát Complex, công ty con của Công ty, đã tham gia thành lập Công ty Cổ phần ANCOP. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, công ty con An Phát Complex đã góp 980 triệu VND vào Công ty Cổ phần ANCOP.
- (ii) Trong năm 2019, Công ty An Thành, công ty con, đã tham gia thành lập Công ty Sunrise với tổng giá trị vốn góp là 24 tỷ VND tương đương 48% vốn điều lệ của công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty An Thành đã góp đủ 24 tỷ VND theo cam kết góp vốn vào Công ty Sunrise.
- (iii) Trong năm 2020, Công ty An Tín, công ty con, đã tham gia thành lập Công ty An Đông với tổng giá trị vốn góp cam kết là 9 tỷ VND, tương đương 30% vốn điều lệ trong công ty này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, công ty con này đã góp 6,6 tỷ VND vào Công ty An Đông.
- (iv) Trong tháng 6 năm 2021, Công ty An Trung đã hoàn tất việc chuyển nhượng giá trị vốn góp trong Công ty Vinfast - An Phát cho Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh Vinfast với giá phí chuyển nhượng là 88 tỷ VND. Khoản lãi từ giao dịch này là 31,6 tỷ VND đang được trình bày tại chỉ tiêu Doanh thu tài chính.

#### 18.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ biểu quyết (%) (*)	Giá gốc (VND)	Tỷ lệ biểu quyết (%) (*)	Giá gốc (VND)
Công ty Công ty Cổ phần Giải pháp và Phần mềm Dịch vụ Nam Việt ("Công ty Nam Việt") (i)	19,67%	17.995.000.000	-	-
Công ty An Phát Finance	-	-	15%	1.500.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>17.995.000.000</b>		<b>1.500.000.000</b>

- (\*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn đang trong quá trình thu thập các dữ liệu cần thiết để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.
- (i) Trong năm 2021, Tập đoàn đã mua tổng cộng 590.000 cổ phiếu, tương đương 19,67% cổ phần của Công ty Nam Việt với tổng giá phí là 17.995.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**18. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN** (tiếp theo)

**18.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi số	Giá gốc	Giá trị ghi số	
Trái phiếu	30.000.000.000	30.000.000.000	70.000.000.000	70.000.000.000	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>30.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	<b>70.000.000.000</b>	

Chi tiết các khoản đầu tư trái phiếu như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Hải Dương (i)	30.000.000.000	Đáo hạn tháng 6 năm 2028	Lãi suất tham chiếu + 0,8%	Không có
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>30.000.000.000</b>			

**19. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Ngắn hạn</b>					
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	35.610.916.472	31.645.087.203	35.610.916.472	31.645.087.203	
Chi phí trả trước khác	8.663.780.503	14.136.300.823	8.663.780.503	14.136.300.823	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>44.274.696.975</b>	<b>45.781.388.026</b>	<b>44.274.696.975</b>	<b>45.781.388.026</b>	
<b>Dài hạn</b>					
Quyền sử dụng đất có thời hạn (*)	362.743.766.876	330.429.342.361	362.743.766.876	330.429.342.361	
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	41.911.322.436	48.274.129.597	41.911.322.436	48.274.129.597	
Chi phí nâng cấp văn phòng	8.729.834.345	10.919.520.970	8.729.834.345	10.919.520.970	
Chi phí trả trước dài hạn khác	24.472.148.216	26.700.721.880	24.472.148.216	26.700.721.880	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>437.857.071.873</b>	<b>416.323.714.808</b>	<b>437.857.071.873</b>	<b>416.323.714.808</b>	

(\*) Một số quyền sử dụng đất với giá trị sổ sách khoảng 123,5 tỷ VND đã được thế chấp cho các khoản vay của Tập đoàn như được trình bày tại Thuyết minh số 26.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 20. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa An Phát Xanh	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty Nhựa Hà Nội	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty APA	Lợi thế thương mại từ hợp nhất Công ty An Vinh	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	210.244.218.842	496.627.345.273	-	8.031.966.204	714.903.530.319
- Tăng trong năm (Thuyết minh số 4)	-	-	13.197.669.510	-	13.197.669.510
- Giảm tỷ lệ sở hữu ở công ty con	(4.103.978.914)	(26.411.178.847)	-	-	(30.515.157.761)
Số cuối năm	206.140.239.928	470.216.166.426	13.197.669.510	8.031.966.204	697.586.042.068
<b>Phân bổ lũy kế:</b>					
Số đầu năm	73.585.476.594	57.939.856.948	-	401.598.311	131.926.931.853
- Phân bổ trong năm	21.024.421.884	49.662.734.527	989.825.213	803.196.620	72.480.178.244
Số cuối năm	94.609.898.478	107.602.591.475	989.825.213	1.204.794.931	204.407.110.097
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	136.658.742.248	438.687.488.325	-	7.630.367.893	582.976.598.466
Số cuối năm	111.530.341.450	362.613.574.951	12.207.844.297	6.827.171.273	493.178.931.971

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**21. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**21.1 Phải trả người bán**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
<b>Ngắn hạn</b>				
Đối tác doanh nghiệp số 3	55.751.618.988	55.751.618.988	115.332.703.782	115.332.703.782
Các đối tượng khác	655.824.353.787	655.824.353.787	521.582.386.102	521.582.386.102
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 36)	7.302.180.430	7.302.180.430	2.951.228.295	2.951.228.295
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>718.878.153.205</b>	<b>718.878.153.205</b>	<b>639.866.318.179</b>	<b>639.866.318.179</b>
<b>Dài hạn</b>				
Công ty TNHH Flooring Industries Limited Sarl	9.477.489.778	9.477.489.778	7.503.764.485	7.503.764.485
Công ty ANI	887.312.160	887.312.160	23.865.095.360	23.865.095.360
Phải trả các bên liên quan (Thuyết minh số 36) (*)	-	-	10.360.718.467	10.360.718.467
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>10.364.801.938</b>	<b>10.364.801.938</b>	<b>41.729.578.312</b>	<b>41.729.578.312</b>

**21.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Trả trước tiền xây dựng hạ tầng, nhà xưởng	14.239.211.924	14.239.211.924	23.927.430.488	23.927.430.488
Trả trước tiền mua sản phẩm nhựa và bao bì	166.013.814.099	166.013.814.099	105.037.725.098	105.037.725.098
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>180.253.026.023</b>	<b>180.253.026.023</b>	<b>128.965.155.586</b>	<b>128.965.155.586</b>
<i>Trong đó:</i>				
<i>Trả trước từ các bên khác</i>			180.253.026.023	114.750.387.506
<i>Trả trước từ các bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>			-	14.214.768.080

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
<b>Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	10.207.753.145	130.481.752.174	(137.694.993.447)	2.994.511.872
Thuế xuất nhập khẩu	18.531.903	7.354.393.543	(7.347.421.966)	25.503.480
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.481.919.214	135.639.768.331	(100.357.976.082)	48.763.711.463
Thuế thu nhập cá nhân	899.999.712	8.458.549.364	(8.060.134.276)	1.298.414.800
Thuế, phí khác	2.013.873.141	6.198.170.479	(7.887.100.999)	324.942.621
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.622.077.115</b>	<b>288.132.633.891</b>	<b>(261.347.626.770)</b>	<b>53.407.084.236</b>

**23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	34.510.101.508	34.969.986.175
Chi phí xây dựng trích trước	13.783.413.235	14.999.862.245
Chi phí phải trả khác	1.122.456.259	88.545.455
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>49.415.971.002</b>	<b>50.058.393.875</b>

**24. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước	66.065.977.511	88.300.646.698
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>66.065.977.511</b>	<b>88.300.646.698</b>
<b>Dài hạn</b>		
Doanh thu cho thuê nhà xưởng, máy móc thiết bị và các tài sản khác nhận trước	87.753.386.549	101.907.915.696
Doanh thu khác	1.690.131.520	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>89.443.518.069</b>	<b>101.907.915.696</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**25. PHẢI TRẢ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Cổ tức phải trả	1.008.246.208	1.306.904.932
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	76.446.982.501	8.768.840.000
Các khoản phải trả khác	87.552.917.100	17.452.746.907
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>165.008.145.810</b>	<b>27.528.491.839</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>    Phải trả ngắn hạn khác</i>	<i>165.008.145.810</i>	<i>25.083.487.140</i>
<i>    Phải trả khác ngắn hạn cho bên liên quan (Thuyết minh số 36)</i>	<i>-</i>	<i>2.445.004.699</i>
<b>Dài hạn</b>		
Phải trả nhận vốn góp theo hợp đồng BCC (i)	-	78.856.980.000
Nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược	13.125.701.674	11.460.701.674
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.125.701.674</b>	<b>90.317.681.674</b>

(i) Số dư đầu kỳ là khoản góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty Cổ phần An Phát Finance cho Công ty An Cường, công ty con, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC") số 2007/2020/HD-APF-ACP để đầu tư và phát triển Dự án Sản xuất sàn nhựa SPC. Trong năm, hai bên đã thanh lý hợp đồng BCC này và Công ty An Cường đã trả lại toàn bộ số vốn đã góp ban đầu cho Công ty Cổ phần An Phát Finance.

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Thuyết minh	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>Ngắn hạn</b>							
Vay ngân hàng	2.621.976.741.131	2.621.976.741.131	9.742.496.435.195	(9.689.714.951.875)	2.674.758.224.451	2.674.758.224.451	
Vay đối tượng khác	53.182.412.476	53.182.412.476	18.928.453.443	(63.701.945.919)	8.408.920.000	8.408.920.000	
Vay dài hạn đến hạn trả	190.435.286.900	190.435.286.900	267.858.590.220	(373.479.286.900)	84.814.590.220	84.814.590.220	
Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	495.933.863.628	495.933.863.628	54.066.136.372	(500.000.000.000)	50.000.000.000	50.000.000.000	
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả	13.644.100.025	13.644.100.025	25.776.489.233	(15.477.828.023)	23.942.761.235	23.942.761.235	
Vay bên liên quan	2.000.000.000	2.000.000.000	3.000.000.000	(5.000.000.000)	-	-	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.377.172.404.160</b>	<b>3.377.172.404.160</b>	<b>10.112.126.104.463</b>	<b>(10.647.374.012.717)</b>	<b>2.841.924.495.906</b>	<b>2.841.924.495.906</b>	
<b>Dài hạn</b>							
Vay ngân hàng	830.384.091.841	830.384.091.841	520.426.571.683	(546.454.543.549)	804.356.119.975	804.356.119.975	
Vay đối tượng khác	36.197.239.000	36.197.239.000	1.374.574.000	(37.571.813.000)	-	-	
Trái phiếu phát hành	487.666.666.664	487.666.666.664	1.028.248.343.779	(264.798.636.365)	1.251.116.374.078	1.251.116.374.078	
Nợ thuế tài chính	34.821.659.275	34.821.659.275	43.712.093.298	(27.139.866.535)	51.393.886.038	51.393.886.038	
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>1.389.069.656.780</b>	<b>1.389.069.656.780</b>	<b>1.593.761.582.760</b>	<b>(875.964.859.449)</b>	<b>2.106.866.380.091</b>	<b>2.106.866.380.091</b>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**26.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn**

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Các khoản vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/ năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	2.157.271.247.622	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 1 năm. Lãi vay trả vào ngày 15 đến 28 hàng tháng hoặc trả vào cuối kỳ.	4,9% - 8,2%
Các khoản vay ngân hàng bằng USD	512.678.348.064	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 15 đến 28 hàng tháng hoặc trả vào cuối kỳ.	1,5% - 4%
Các khoản vay ngân hàng bằng EUR	4.808.628.765	Thời hạn vay theo từng kế ước nhận nợ, tối đa 6 tháng. Lãi vay trả vào ngày 15 đến 25 hàng tháng.	2,1%

**TỔNG CỘNG**

**2.674.758.224.451**

Trong đó:

Vay có tài sản đảm bảo (\*) 2.418.850.578.069  
Vay tín chấp 255.907.646.382

(\*) Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng:

- một số chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại;
- hàng tồn kho luân chuyển tại các nhà máy; và quyền đòi nợ/quyền phát sinh (bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, trả trước cho người bán và phải thu về cho vay) từ hợp đồng thương mại;
- một số quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất;
- một số phương tiện vận tải; máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc, bất động sản và một số tài sản khác;
- một số hợp đồng bảo lãnh từ bên thứ 3.
- tài sản là 2.720.000 cổ phiếu Công ty Nhựa An Phát Xanh sở hữu bởi Công ty; 1.142.848 cổ phiếu NHH của Công ty Nhựa Hà Nội;
- Tiền ký quỹ tại Ngân hàng TMCP Quân đội, hợp đồng tiền gửi, thẻ tiết kiệm, giấy tờ có giá do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành, trái phiếu chính phủ, tín phiếu kho bạc, máy móc thiết bị và bất động sản theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội; Tài sản, quyền tài sản đã, đang và sẽ hình thành từ phương án cấp tín dụng của Ngân hàng TMCP Quân đội, bao gồm vốn vay, LC do Ngân hàng TMCP Quân đội phát hành, nghĩa vụ được Ngân hàng TMCP Quân đội bảo lãnh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**26.2 Các khoản vay ngân hàng dài hạn**

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm
Các khoản vay ngân hàng bằng VND	889.170.710.195	Thời hạn vay theo từng khế ước nhận nợ, tối đa 5 năm. Trả hàng tháng vào ngày 15 đến ngày 25.	8% - 11,4%
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>889.170.710.195</b>		
<i>Trong đó:</i>			
Vay dài hạn	804.356.119.975		
Vay dài hạn đến hạn trả	84.814.590.220		
<i>Trong đó:</i>			
Vay có tài sản đảm bảo (*)	889.170.710.195		
Vay tín chấp	-		

(\*) Các khoản vay có tài sản đảm bảo được thế chấp bằng:

- một số chứng chỉ tiền gửi tại các ngân hàng thương mại;
- một số phương tiện vận tải, máy móc thiết bị, nhà cửa vật kiến trúc và một số tài sản khác;
- quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và một số bất động sản;
- một số hợp đồng bảo lãnh từ bên thứ 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

**26.3 Vay từ các đối tượng khác**

Số dư vay các đối tượng khác ngắn hạn cuối năm bao gồm:

- ▶ Khoản vay có giá trị 2.000.000.000 VND từ Công ty Navisoft không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 4 năm 2022 với lãi suất 8%/năm.
- ▶ Khoản vay có giá trị 6.408.920.000 VND từ Công ty Vietpoint Capital, LLC không có tài sản đảm bảo theo Hợp đồng vay vốn đáo hạn vào tháng 2 năm 2022 với lãi suất 10%/năm.

**26.4 Trái phiếu phát hành**

Chi tiết khoản trái phiếu dài hạn phát hành bằng VND theo mệnh giá được trình bày như sau:

<i>Trái chủ</i>	<i>Số cuối năm (VND)</i>	<i>Kỳ hạn trả gốc</i>	<i>Lãi suất/ năm</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	117.938.626.692	Hợp đồng đặt mua 120 trái phiếu, tương đương 120 tỷ VND. Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	8,00%	Tài sản đảm bảo là các tài sản theo các hợp đồng cầm cố cổ phần liên quan. Cụ thể, Công ty và một số cổ đông khác của Công ty Nhựa An Phát Xanh đã cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty cũng cầm cố cổ phần đang lưu hành tại Công ty An Tiến và Công ty Nhựa Hà Nội cho các bên nhận đảm bảo.
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Phạm Hùng	147.423.283.365	Hợp đồng đặt mua 150 trái phiếu, tương đương 150 tỷ VND. Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	11%	15.500.000 cổ phần sở hữu bởi một cổ đông doanh nghiệp của Công ty
Ngân hàng Daegu – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	98.282.188.910	Hợp đồng đặt mua 100 trái phiếu, tương đương 100 tỷ VND. Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	7,50%	Tài sản đảm bảo là 550.000 cổ phần của Công ty An Phát Holdings sở hữu bởi một đối tác doanh nghiệp
Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	98.282.188.910	Hợp đồng đặt mua 100 trái phiếu, tương đương 100 tỷ VND. Đáo hạn vào tháng 11 năm 2024. Lãi trả định kỳ 6 tháng 1 lần vào tháng 5 và tháng 11 hàng năm.	6%	Tin chấp
Công ty TNHH Phát triển YOTEI	42.000.000.000	Trái phiếu này có kỳ hạn 3 năm.	8%	Tin chấp
Công ty CP Sản xuất và Thương Mại YAMATO	20.000.000.000	Trái phiếu phát hành vào tháng 6 năm 2021, có kỳ hạn 3 năm. Thanh toán lãi 6 tháng 1 lần vào ngày cuối cùng của tháng, bắt đầu từ 3 tháng sau khi bán trái phiếu.		
Công ty TNHH Actis Aiken	82.927.586.209	Tiền gốc và lãi được thanh toán vào ngày 18 tháng 7 năm 2026.		
Công ty CP chứng khoán Stanley Brothers (NIM)	50.000.000.000	Thanh toán 1 lần vào ngày đáo hạn trái phiếu		

## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 26.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

Trái chủ	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	50.000.000.000 (*)	(*)	(*)	(*)
Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 1	50.000.000.000 (*)	(*)	(*)	(*)
Ngân hàng Keb Hana - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	100.000.000.000 (*)	(*)	(*)	(*)
Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam	100.000.000.000 (*)	(*)	(*)	(*)
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	150.000.000.000 (*)	(*)	(*)	(*)
Công ty TNHH Chứng khoán Shinhan Việt Nam	40.000.000.000 (**)	(**)	(**)	(**)
Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	15.000.000.000 (**)	(**)	(**)	(**)
Asam Vietnam Mezzanine Focus Hedge Fund 2	100.000.000.000 (**)	(**)	(**)	(**)
Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam-MG	40.000.000.000 (**)	(**)	(**)	(**)
Song Seo Kyon	10.000.000.000 (**)	(**)	(**)	(**)
Chi phí phát hành trái phiếu chưa phân bổ	(10.737.500.008)			
	<b>1.301.116.374.078</b>			

Trong đó:

Trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả

Trái phiếu phát hành dài hạn

(\*) Trái phiếu thường có giá trị 450 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 4 năm 2021 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 4 năm 2024. Trái phiếu này có lãi suất cố định 9%/năm trong 2 năm đầu và 9,5%/năm trong năm cuối và được thế chấp bằng tài sản đảm bảo là 12.272.728 cổ phiếu APH được sở hữu bởi Công ty TNHH IGG USA Việt Nam, 13.026.697 cổ phiếu AAA và 4.500.000 cổ phiếu NHH được sở hữu bởi Công ty.

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 26. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

#### 26.4 Trái phiếu phát hành (tiếp theo)

(\*\*) Trái phiếu hoán đổi có giá trị 260 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là 15.000.588 cổ phiếu AAA và 3.522.858 cổ phiếu NHH.

Theo điều khoản của trái phiếu hoán đổi này, các trái chủ có quyền, vào bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian từ ngày 3 tháng 7 năm 2021 đến ngày đáo hạn của trái phiếu, hoán đổi tất cả hoặc bất kỳ trái phiếu theo cách thức được quy định trong hợp đồng thành cổ phần phổ thông của AAA hoặc của NHH, với điều kiện là khi hoán đổi tất cả các trái phiếu thành cổ phần hoán đổi, tỷ lệ hoán đổi tối đa của cổ phần phổ thông của AAA hoặc NHH không được vượt quá 75% tiền gốc của trái phiếu. Trái phiếu hoán đổi có giá trị 260 tỷ VND được phát hành theo mệnh giá 100.000.000 VND/trái phiếu cho các đối tác vào tháng 7 năm 2020 với thời hạn 3 năm, đáo hạn vào tháng 7 năm 2023. Trái phiếu này có lãi suất cố định 8%/năm và được thế chấp bởi tài sản đảm bảo là 16.991.701 cổ phiếu AAA và 4.457.143 cổ phiếu NHH.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng không có yếu tố công cụ vốn trong trái phiếu trên do cổ phiếu có thể được hoán đổi là cổ phiếu của công ty con và trái chủ có quyền yêu cầu thanh toán khoản gốc trái phiếu bằng tiền, do đó, đã ghi nhận toàn bộ các khoản trái phiếu này là nợ phải trả thuộc khoản mục vay và nợ thuế tài chính dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

### 26.5 Nợ thuế tài chính

Tập đoàn hiện đang thuế máy móc, thiết bị theo hợp đồng thuế tài chính. Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản tiền thuế phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuế tài chính được trình bày như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị tính: VND
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	Lãi thuế tài chính	Nợ gốc	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu	
<b>Nợ thuế tài chính ngắn hạn</b>					
Từ 1 năm trở xuống	29.166.589.146	5.223.827.911	23.942.761.235	17.678.985.176	4.034.885.151
<b>Nợ thuế tài chính dài hạn</b>					
Trên 1-5 năm	59.194.564.978	7.800.678.940	51.393.886.038	39.394.428.865	4.572.769.590
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>88.361.154.124</b>	<b>13.024.506.851</b>	<b>75.336.647.273</b>	<b>57.073.414.041</b>	<b>8.607.654.741</b>
					<b>48.465.759.300</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**27. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số đầu năm	8.931.227.912	11.473.555.122
Trích quỹ trong năm (*)	70.703.280.716	65.296.367.758
Sử dụng trong năm	<u>(56.036.642.421)</u>	<u>(67.838.694.968)</u>
Số cuối năm	<u>23.597.866.207</u>	<u>8.931.227.912</u>

(\*) Trích quỹ trong năm bao gồm trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ phục vụ công tác điều hành, cộng đồng theo phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông như trình bày tại Thuyết minh số 28.1.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>	1.423.773.390.000	485.506.089.100	-	(337.778.069)	8.865.207.437	188.129.122.503	1.957.163.785.522	4.063.099.816.493
Số đầu năm	43.000.000.000	171.779.900.000	-	-	-	-	-	214.779.900.000
- Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-
- Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	155.416.920.000	155.416.920.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	77.331.245.623	164.833.351.558	242.164.597.181
- Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	6.473.201.955	(6.473.201.955)	-	-
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(31.742.216.049)	(33.554.151.709)	(65.296.367.758)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(10.715.216.549)	-	(10.715.216.549)
- Mua mới công ty con Thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	-	-	-	-	-	184.436.737.214	184.436.737.214
- Trong công ty con hiện hữu không mất quyền kiểm soát	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất	-	-	-	(669.516.268)	-	-	-	(669.516.268)
- Cổ tức chia cho cổ đồng không kiểm soát bởi công ty con	-	-	-	-	-	-	(65.487.173.000)	(65.487.173.000)
- Công ty con chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	70.780.511.902	-	-	(70.780.511.902)	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(2.118.978.057)	-	(2.118.978.057)
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.466.773.390.000</b>	<b>657.285.989.100</b>	<b>70.780.511.902</b>	<b>(1.007.294.337)</b>	<b>15.338.409.392</b>	<b>26.422.090.004</b>	<b>2.156.956.719.227</b>	<b>4.392.549.815.288</b>

Đơn vị tính: VND

**Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings**

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
<b>Năm nay</b>	1.466.773.390.000	657.285.989.100	70.780.511.902	(1.007.294.337)	15.338.409.392	26.422.090.004	2.156.956.719.227	4.392.549.815.288
Số đầu năm	557.449.830.000	(285.550.000)	-	-	-	-	-	557.164.280.000
- Tăng vốn trong năm (i)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	-	-	692.814.110.488	692.814.110.488
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	58.849.376.123	179.599.846.564	238.449.222.687
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (ii)	-	-	-	-	-	(35.066.466.170)	(33.625.010.775)	(68.691.476.945)
- Trích lập các quỹ khác phục vụ công tác điều hành (ii)	-	-	-	-	-	(671.388.168)	(1.340.415.603)	(2.011.803.771)
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(5.644.287.288)	-	(5.644.287.288)
- Mua công ty con	-	-	-	-	-	-	(10.540.435.070)	(10.540.435.070)
- Tăng/giảm tỷ lệ lợi ích trong các công ty con hiện hữu không mất quyền kiểm soát (iii)	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất	-	-	-	(4.128.986.518)	-	-	(3.925.312.031)	(8.054.298.549)
- Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát bởi công ty con (iv)	-	-	-	-	-	(5.067.612.235)	(83.326.401.000)	(83.326.401.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	3.037.308.971	(2.030.303.264)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.024.223.220.000</b>	<b>657.000.439.100</b>	<b>70.780.511.902</b>	<b>(5.136.280.855)</b>	<b>15.338.409.392</b>	<b>94.372.433.447</b>	<b>3.086.358.239.171</b>	<b>5.942.936.972.157</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

- (i) Theo Nghị quyết số 080101/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 8 tháng 1 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông và Giấy Chứng nhận Đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 20/GCN-UBCK ngày 9 tháng 2 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty đã phát hành thêm tổng cộng 55.744.983 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu với giá mua bằng mệnh giá và tỷ lệ thực hiện quyền mua là 100:40. Theo đó, vốn cổ phần đã phát hành của Công ty tăng thêm trong năm với số tiền là 557,4 tỷ VND.
- (ii) Các công ty con đã thực hiện trích quỹ đầu tư phát triển và quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2020 và năm 2021 theo các Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của các công ty con trong năm.
- (iii) Các giao dịch tăng/giảm tỷ lệ lợi ích trong các công ty con hiện hữu không dẫn đến mất quyền kiểm soát gồm:
- Giao dịch mua thêm 10,66% tỷ lệ sở hữu và tái cấu trúc sở hữu trong Công ty An Phát Complex 1 trong nội bộ Tập đoàn;
  - Giao dịch Công ty Nhựa An Phát Xanh nhận chuyển nhượng 29,9% tỷ lệ sở hữu trong Công ty An Vinh từ các cổ đông không kiểm soát.
  - Giao dịch mua thêm 1,13% cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội thông qua phương thức khớp lệnh.
  - Giao dịch Công ty Nhựa An Phát Xanh phát hành bổ sung 75 triệu cổ phần thông qua phương thức đấu thầu, trong đó, Công ty mua thêm 32,2 triệu cổ phần. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh giảm 2,59%;
  - Giao dịch Công ty Nhựa Hà Nội góp thêm vốn 50 tỷ VND vào Công ty An Cường, theo đó, tỷ lệ lợi ích gián tiếp của Công ty trong Công ty An Cường thông qua Công ty Nhựa Hà Nội tăng 0,18% và tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty trong Công ty An Cường giảm 0,26%.
  - Giao dịch nhận thêm vốn góp 78,4 tỷ VND từ cổ đông cá nhân tương đương với 7,94% tỷ lệ sở hữu trong Công ty An Phát Complex;
  - Giao dịch mua thêm 2,5 triệu cổ phần phổ thông của Công ty Nhựa An Phát Xanh qua phương thức khớp lệnh. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh tăng 0,84%;
  - Giao dịch Công ty hoán đổi một số cổ phần trong Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty Nhựa Hà Nội để thanh toán một phần khoản trái phiếu với giá trị thanh toán là 55 tỷ VND. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Nhựa An Phát Xanh giảm 0,68% và trong Công ty Nhựa Hà Nội giảm 1,97%;
  - Giao dịch Công ty An Vinh và Công ty An Trung chuyển nhượng 49,9% cổ phần tương đương với tỷ lệ sở hữu 25,45% của Tập đoàn tại Công ty An Phát Complex 1 cho một đối tác doanh nghiệp.
  - Giao dịch Công ty An Tiến mua 2,5 triệu cổ phần trong Công ty An Vinh từ các cổ đông thiểu số, ngay sau đó Công ty An Tiến đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần này cho các cổ đông thiểu số.
  - Giao dịch Công ty bán 1,8 triệu cổ phần đang nắm giữ tại Công ty Nhựa Hà Nội thông qua phương thức khớp lệnh. Sau giao dịch này, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong Công ty Nhựa Hà Nội giảm 4,94%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**28. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**28.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)**

(iv) Cổ tức chia cho cổ đông không kiểm soát trong năm là khoản cổ tức được chia bằng tiền và được công bố chi trả vào trong kỳ của Công ty Nhựa Hà Nội, Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty An Thành.

**28.2 Cổ tức**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã công bố trong năm</b>		
Cổ tức, lợi nhuận đã chia cho cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi	5.644.287.288	10.715.216.548

**28.3 Cổ phần**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị (VND)	Số lượng	Giá trị (VND)
<b>Cổ phần đăng ký phát hành</b>				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
<b>Cổ phần đã bán ra công chúng</b>				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000
<b>Cổ phần đang lưu hành</b>				
Cổ phần phổ thông	195.107.442	1.951.074.420.000	139.362.459	1.393.624.590.000
Cổ phần ưu đãi (*)	7.314.880	73.148.800.000	7.314.880	73.148.800.000

Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phần (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 10.000 VND/cổ phần).

(\*) Theo Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi ngày 31 tháng 1 năm 2018, Công ty KB đã mua 14.114.880 cổ phần ưu đãi cổ tức với tổng số tiền là 352.872.000.000 VND, trong đó số tiền 141.148.800.000 VND đã được ghi nhận vào vốn cổ phần đã góp theo mệnh giá cổ phiếu ưu đãi và phần còn lại với số tiền là 211.723.200.000 VND đã được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Cổ phần ưu đãi cổ tức này có mức cổ tức phải trả tương đương với 3%/năm của giá phát hành ban đầu. Cổ phần ưu đãi cổ tức có quyền hoán đổi sang cổ phần phổ thông của Công ty theo quyền chọn của KB bất cứ lúc nào trong khoảng thời gian (i) bắt đầu từ ngày đầu tiên của kỳ hạn ba mươi (30) tháng kể từ ngày phát hành hoặc vào ngày kết thúc một đợt phát hành cổ phần phổ thông lần đầu ra công chúng (IPO), tùy theo thời điểm nào đến sớm hơn, và (ii) ngày cuối cùng của thời hạn năm (5) năm kể từ ngày phát hành và một số quyền chọn khác của KB được quy định trong Hợp đồng mua cổ phần ưu đãi và Hợp đồng quyền chọn ngày 31 tháng 1 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. DOANH THU**

**29.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>14.812.357.111.927</b>	<b>8.495.819.966.148</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán hàng hóa	7.740.554.439.318	3.360.688.644.802
Doanh thu bán thành phẩm	6.483.779.835.741	4.958.497.386.909
Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	412.659.162.748	72.405.381.606
Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.037.677.657	101.691.550.898
Doanh thu hoạt động khác	2.325.996.463	2.537.001.933
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>(18.486.455.558)</b>	<b>(10.929.017.779)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>14.793.870.656.369</b>	<b>8.484.890.948.369</b>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	14.636.967.356.203	8.414.160.048.201
Doanh thu đối với bên liên quan	156.903.300.166	70.730.900.168

(\*) Doanh thu bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp có bao gồm doanh thu ghi nhận một lần đối với các tài sản cho thuê dài hạn, có nhận trước tiền thuê của nhiều kỳ, và có thời gian cho thuê chiếm trên 90% thời gian sử dụng hữu ích của các tài sản đó, theo chính sách kế toán được trình bày tại Thuyết minh số 3.21. Nếu doanh thu từ việc cho thuê này được ghi nhận theo phương pháp phân bổ theo thời gian cho thuê, ảnh hưởng đến doanh thu, giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ và lợi nhuận gộp của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	
	Trường hợp doanh thu được ghi nhận một lần tại thời điểm bàn giao đất	Trường hợp doanh thu được phân bổ trong thời hạn thuê đất
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	14.793.870.656.369	14.486.097.407.384
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu cho thuê đất và cơ sở hạ tầng	312.285.335.934	4.512.086.949
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	(13.095.850.096.406)	(12.842.010.796.597)
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.698.020.559.963</b>	<b>1.644.086.610.787</b>

**29.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.916.736.947	125.115.437.747
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư	64.197.171.233	21.701.549.925
Lãi chênh lệch tỷ giá	80.669.199.594	39.176.409.411
Doanh thu hoạt động tài chính khác	742.440.852	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>261.525.548.626</b>	<b>185.993.397.083</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**29. DOANH THU** (tiếp theo)

**29.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập cho thuê bất động sản đầu tư	412.659.162.748	72.405.381.606
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	293.449.339.623	28.203.044.703

**30. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa đã bán	7.380.244.883.032	3.221.780.063.214
Giá vốn thành phẩm đã bán	5.310.286.001.445	4.222.940.193.070
Giá vốn bán nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	293.449.339.623	28.203.044.703
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	110.710.176.718	54.676.480.387
Giá vốn hoạt động khác	1.159.695.588	1.875.105.993
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.095.850.096.406</u></b>	<b><u>7.529.474.887.367</u></b>

**31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay (bao gồm chi phí phát hành trái phiếu)	272.342.359.042	272.897.430.776
Lỗ chênh lệch tỷ giá	35.303.295.685	19.554.329.665
Chi phí tài chính khác	9.360.635.602	4.292.292.316
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>317.006.290.329</u></b>	<b><u>296.744.052.757</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Chi phí bán hàng</b>		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	865.471.246.674	230.398.304.385
- Chi phí nhân công	40.007.687.260	22.353.965.727
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.329.653.285	16.015.433.184
- Chi phí nguyên vật liệu	635.110.161	368.051.909
- Chi phí khác	14.369.071.738	17.138.945.598
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>936.812.769.118</b>	<b>286.274.700.803</b>
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
- Chi phí nhân công	130.158.669.309	100.047.259.457
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	79.287.703.042	74.495.138.387
- Phân bổ lợi thế thương mại (Thuyết minh số 20)	72.480.178.244	71.088.754.722
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	31.899.845.251	24.557.043.215
- Chi phí nguyên vật liệu	3.779.297.308	2.857.050.820
- Chi phí khác	44.163.484.076	50.338.409.050
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>361.769.177.230</b>	<b>323.383.655.651</b>

**33. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Thu nhập khác</b>	<b>11.370.309.369</b>	<b>74.345.039.846</b>
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	39.395.597.401
Thu nhập khác do hủy hợp đồng	1.372.677.493	15.060.161.448
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	2.292.453.683	14.543.151.933
Thu nhập khác	7.705.178.193	5.346.129.064
<b>Chi phí khác</b>	<b>25.462.432.220</b>	<b>8.610.197.327</b>
Tiền phạt theo biên bản thanh tra thuế	-	3.859.323.327
Chi phí hỗ trợ phòng chống dịch Covid-19	22.147.434.091	-
Chi phí khác	3.314.998.129	4.750.874.000
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẦN</b>	<b>(14.092.122.851)</b>	<b>65.734.842.519</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**34. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa	3.954.766.086.239	3.190.718.307.466
Chi phí nhân công	730.372.755.724	593.603.316.773
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	484.380.036.196	374.672.291.385
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.777.431.580.789	704.875.393.732
Chi phí khác	137.269.381.743	76.233.526.613
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>7.084.219.840.691</u></b>	<b><u>4.940.102.835.969</u></b>

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Tập đoàn là 20% thu nhập chịu thuế, ngoại trừ những trường hợp sau đây:

- ▶ Công ty Nhựa An Phát Xanh được miễn thuế 2 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế (là năm 2016) và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 4 năm tiếp theo đối với lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy 5. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 10%.
- ▶ Đối với dự án Đầu tư xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu Công nghiệp An Phát Complex của Công ty An Phát Complex, thuế suất thuế TNDN hàng năm đến năm 2026 là 5%, năm 2027 là 10% và trong các năm tiếp theo sau đó là 20% do Công ty An Phát Complex được kế thừa các ưu đãi thuế từ nhận chuyển nhượng dự án cũ. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 5%.
- ▶ Đối với Dự án Nhà máy sản xuất hạt nhựa CaCO<sub>3</sub> mở rộng và bột đá CaCO<sub>3</sub> của Công ty An Tiến, theo công văn số 2093/CT-TTHTNNT của Cục thuế tỉnh Yên Bái ngày 20 tháng 6 năm 2019, Công ty An Tiến được miễn thuế TNDN trong 2 năm (từ năm 2018 đến năm 2019) và được giảm 50% thuế TNDN trong 4 năm tiếp theo (từ năm 2020 đến năm 2023) với phần thu nhập từ dự án đầu tư mở rộng. Thuế suất thuế TNDN trong năm cho hoạt động này là 10%.
- ▶ Công ty An Thành Singapore chịu thuế suất 17% theo Luật thuế TNDN của Singapore.
- ▶ Công ty APA và Công ty AFC chịu thuế suất 21% theo Luật thuế TNDN của Mỹ;

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**35.1 Chi phí thuế TNDN**

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	116.020.912.501	58.972.166.719
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh theo Nghị định 132	-	(9.901.932.653)
Chi phí thuế TNDN trích thừa năm trước	488.933.013	(404.585.394)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(28.404.456.231)	(230.907.051)
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>88.105.389.283</u></b>	<b><u>48.434.741.621</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**35.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>326.554.611.970</b>	<b>290.599.338.802</b>
Thuế TNDN theo các thuế suất áp dụng cho Công ty và các công ty con	58.054.742.504	44.201.828.407
Thuế suất thuế TNDN 20%	55.310.302.570	31.880.292.707
Thuế suất thuế TNDN 21%	(6.541.451.968)	-
Thuế suất thuế TNDN 17%	3.518.425.822	589.907.340
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 10%	5.482.367.936	11.731.628.360
Thuế suất thuế TNDN ưu đãi 5%	285.098.144	-
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	8.680.961.913	7.775.268.686
Tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận	7.328.855.956	3.149.278.560
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	-	(7.879.119.480)
Phân bổ lợi thế thương mại	14.496.035.649	14.217.750.944
Điều chỉnh cho các khoản dự phòng đầu tư/(hoàn nhập dự phòng đầu tư) vào công ty con và liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất	3.597.776.998	(10.865.304.691)
Điều chỉnh thuế TNDN theo Nghị định 132	1.106.772.095	(9.901.932.653)
Thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước	488.933.013	(404.585.394)
Thuế TNDN được miễn, giảm kỳ này	-	(5.011.123.098)
Lỗ từ công ty liên doanh, liên kết	662.294.083	2.028.510.518
Lỗ từ các năm trước chuyển sang	(8.587.567.043)	(61.889.858)
Điều chỉnh khác	2.276.584.115	11.186.059.680
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>88.105.389.283</b>	<b>48.434.741.621</b>

**35.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**35. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**35.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Ngoại trừ lỗ tính thuế phát sinh của Công ty APA và Công ty AFC EcoPlastics, LLC không bị giới hạn thời gian chuyển lỗ theo Luật thuế TNDN của Hoa Kỳ, Công ty và các công ty con khác được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tập đoàn có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là khoảng 110,7 tỷ VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 76,2 VND), có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Các khoản lỗ tính thuế nêu trên chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận trong tương lai tại thời điểm này.

**35.4 Thuế TNDN hoãn lại**

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

*Đơn vị tính: VND*

	<i>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>				
Chênh lệch tạm thời liên quan lợi nhuận chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	6.438.298.130	230.359.530	6.207.938.600	40.459.114
	<b>6.438.298.130</b>	<b>230.359.530</b>		
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>				
Chênh lệch phát sinh liên quan đến phân bổ thu nhập chịu thuế theo thời gian (*)	-	22.196.517.625	22.196.517.625	179.486.664
Chênh lệch khác	-	6	6	10.961.273
	<b>-</b>	<b>22.196.517.631</b>		
<b>Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất</b>			<b>28.404.456.231</b>	<b>230.907.051</b>

(\*) Công ty đã chuyển đổi phương thức kê khai thuế TNDN đối với các hợp đồng cho thuê dài hạn đất và hạ tầng khu công nghiệp đủ điều kiện ghi nhận doanh thu một lần, từ kê khai thu nhập hàng kỳ trong suốt thời hạn cho thuê sang kê khai thu nhập một lần. Theo đó, toàn bộ chênh lệch tạm thời liên quan đã được ghi giảm trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Cổ tức được chia	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Mua hàng hóa dịch vụ	Chuyển nhượng vốn góp	Đi vay	Cho vay	Đơn vị tính: VND
Công ty Nhựa bao bì Vĩnh	Công ty liên kết	4.056.630.840	6.450.877.456	1.096.812.000	57.569.388.977	16.000.000.000	16.000.000.000	Tạm ứng và phải thu khác
Công ty Sunrise	Công ty liên kết		19.408.292.108	77.534.747.177		110.000.000.000		
Công ty An Phát International Inc	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt (đến ngày 15 tháng 4 năm 2021)		94.650.093.072	31.302.530.933				
Công ty Cổ phần AnBio	Cùng lãnh đạo chủ chốt		26.142.928.382			26.100.000.000	130.700.000.000	
Công ty TNHH Linh kiện nhựa ô tô Vinfast – An Phát	Công ty liên kết (đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)		10.251.109.148	29.036.067.704				
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Lãnh đạo chủ chốt							15.000.000.000
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt							8.625.854.377
Ông Phạm Anh Dương	Lãnh đạo chủ chốt							4.203.524.840

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Góp vốn	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Mua hàng hóa dịch vụ	Đặt cọc	Tạm ứng và phải thu khác	Đơn vị tính: VND
Công ty Nhựa bao bì Vĩnh	Công ty liên kết		3.879.915.818				Tạm ứng và phải thu khác
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	8.764.000.000	11.417.105.829				
Công ty An Phát International Inc	Cùng lãnh đạo chủ chốt		51.301.272.156		108.851.500.000		
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt						7.779.133.169
Ông Phạm Anh Dương	Lãnh đạo chủ chốt						9.601.874.639

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Tập đoàn mua và bán hàng hóa, dịch vụ với các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Số dư các khoản vay, cho vay, đầu tư, phải thu, phải trả đối với các bên liên quan của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 không cần bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi liên quan đến số tiền cho vay các bên liên quan (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5,3 tỷ VND). Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi kỳ thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

				<i>Đơn vị tính: VND</i>	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
<b><i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>					
Công ty TNHH Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán hàng hóa và dịch vụ	4.998.912.000	-	
Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán hàng hóa	2.893.477.698	38.478.172.883	
Công ty Nhựa Bao bì Vinh	Công ty liên kết	Phải thu bán hàng hóa	4.692.600.000		
Bên liên quan khác			746.826.842	1.355.496.733	
			<b>13.274.034.640</b>	<b>39.833.669.616</b>	
<b><i>Phải thu dài hạn của khách hàng (Thuyết minh số 7.1)</i></b>					
Công ty TNHH Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu bán máy móc	68.443.341.120	-	
			<b>68.443.341.120</b>		
<b><i>Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 7.2)</i></b>					
Công ty An Phát International Inc	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền mua hàng hóa	-	76.443.952.790	
Công ty TNHH Ankor Bioplastics	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Trả trước tiền mua hàng hóa	7.951.491.688	2.452.714.488	
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Trả trước tiền mua hàng hóa, dịch vụ	386.951.937	-	
			<b>8.338.443.625</b>	<b>78.896.667.278</b>	
<b><i>Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 8)</i></b>					
Công ty AnBio (i)	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	59.750.000.000	-	
Công ty TNHH Ankor Bioplastics (ii)	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Cho vay	16.556.400.000	5.292.300.000	
			<b>76.306.400.000</b>	<b>5.292.300.000</b>	

Đây là các khoản cho Công ty Cổ phần Anbio và Công ty TNHH Ankor Bioplastics vay không có tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cho vay đáo hạn vào tháng 3 và tháng 5 năm 2022 và hưởng lãi suất từ 6%/năm đến 6,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:  
(tiếp theo)

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b><i>Phải thu khác ngắn hạn (Thuyết minh số 9)</i></b>				
Ông Phạm Hoàng Việt	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	-	6.600.841.502
Ông Phạm Văn Tuấn	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	7.500.302.479	-
Công ty TNHH Ankor Bioplastic	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu về đặt cọc	3.260.958.327	3.260.958.327
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	5.820.354.377	3.000.000.000
Công ty An Phát International Inc	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải thu về đặt cọc mua cổ phần và phải thu khác	-	116.582.525.000
Các bên liên quan khác	Lãnh đạo chủ chốt	Phải thu từ chi trả hộ và tạm ứng	1.441.482.950	5.619.600.767
			<b>18.023.098.133</b>	<b>135.063.925.596</b>
<b><i>Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 21.1)</i></b>				
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	2.097.350.480	966.849.999
Công ty AnBio	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Mua hàng hóa	4.731.789.579	-
Công ty Vinfast – An Phát	Công ty liên doanh (cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	Mua hàng hóa	-	915.937.296
Công ty Nhựa bao bì Vinh	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	512.523.000	1.068.441.000
			<b>4.731.789.579</b>	<b>2.951.228.295</b>
<b><i>Phải trả người bán dài hạn (Thuyết minh số 21.1)</i></b>				
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Mua hàng hóa	-	10.360.718.467
			-	<b>10.360.718.467</b>
<b><i>Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 21.2)</i></b>				
Công ty Vinfast – An Phát	Công ty liên doanh (cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2021)	Trả trước tiền mua hàng hóa dịch vụ	-	14.214.768.080
			-	<b>14.214.768.080</b>
<b><i>Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 25)</i></b>				
Công ty KB	Cổ đông	Cổ tức phải trả	-	1.277.284.932
Công ty Sunrise	Công ty liên kết	Lãi vay phải trả	-	41.582.192
Công ty An Phát International Inc	Công ty cùng lãnh đạo chủ chốt	Phải trả khác	-	1.126.137.575
			-	<b>2.445.004.699</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**36. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) và Ban Tổng Giám đốc tại Công ty trong năm:

*Đơn vị tính: VND*

Tên	Chức vụ	Thu nhập	
		Năm nay	Năm trước
Ông Phạm Ánh Dương	Chủ tịch HĐQT	180.000.000	180.000.000
Ông Nguyễn Lê Trung	Phó Chủ tịch HĐQT	120.000.000	120.000.000
Ông Phạm Hoàng Việt	Phó Chủ tịch HĐQT	60.000.000	120.000.000
Ông Đinh Xuân Cường	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	700.879.333	902.746.812
Ông Phạm Đỗ Huy Cường	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực	596.036.128	740.742.793
Bà Nguyễn Thị Tiệp	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc	662.985.327	678.175.366
Ông Nirav Sudhir Patel	Thành viên HĐQT	120.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Phó Tổng Giám đốc	199.482.552	-
Ông Nguyễn Lê Thăng Long	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
Ông Lim Heon Young	Thành viên HĐQT	60.000.000	-
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.759.383.340</b>	<b>2.831.664.971</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**37. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU**

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.849.376.123	77.331.245.623
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ khác phục vụ ban điều hành (*)	-	(35.737.854.338)
Lợi tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	(5.644.287.288)	(10.715.216.549)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>53.205.088.835</b>	<b>30.878.174.736</b>
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (***)	191.957.739	172.757.414
Ảnh hưởng suy giảm (**)	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành sau kỳ (****)	47.989.435	43.189.354
<b>Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm</b>	<b>239.947.174</b>	<b>215.946.768</b>
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>		
- Lãi cơ bản	222	143
- Lãi suy giảm	222	143

(\*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2020 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây trong báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020.

Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2021 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

(\*\*) Cho năm 2021, việc giả định thực hiện chuyển đổi cổ phần ưu đãi (Thuyết minh số 28.3) sang cổ phần phổ thông của Công ty có tác động suy giảm ngược làm tăng lãi trên cổ phiếu. Theo đó, Tập đoàn không tính ảnh hưởng suy giảm lãi trên cổ phiếu đối với cổ phiếu phổ thông tiềm năng này.

(\*\*\*) Số bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc Công ty phát hành cổ phiếu phổ thông cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ thực hiện 100:40 và giá mua bằng mệnh giá trong kỳ (Thuyết minh số 28.1).

(\*\*\*\*) Trong tháng 2 năm 2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu phổ thông cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện 100:25 để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết số 230201/2022/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 23 tháng 2 năm 2022. Do đó bình quân gia quyền của mỗi cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được trình bày lại để phản ánh sự kiện này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN**

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về địa điểm theo địa điểm tài sản của Tập đoàn. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được tổ chức và quản lý theo địa điểm kinh doanh của Tập đoàn.

Tập đoàn cũng lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo thứ yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty cũng bị tác động bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp.

Tập đoàn theo dõi hoạt động một cách riêng biệt cho từng bộ phận cho mục đích ra quyết định phân bổ nguồn lực và đánh giá kết quả hoạt động. Kết quả hoạt động của từng bộ phận được đánh giá dựa trên lãi lỗ và được xác định một cách nhất quán với lãi lỗ của Tập đoàn trên báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, hoạt động tài chính của Tập đoàn (bao gồm chi phí tài chính và doanh thu tài chính) được theo dõi trên cơ sở tập trung và không phân bổ cho từng bộ phận.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.



## Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

### 38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

#### 38.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

##### Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Tập đoàn như sau:

	Việt Nam			Cộng hòa Singapore		Hợp chủng quốc Hoa Kỳ		Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng
	Việt Nam	Cộng hòa Singapore	Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	Điều chỉnh và loại trừ	Tổng cộng				
<b>Doanh thu</b>									
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	11.762.863.954.737	2.116.169.022.767	914.837.678.865	-	14.793.870.656.369				
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	816.609.717.076	387.620.968.153	32.188.893.051	(1.236.419.578.280)	-				
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>12.579.473.671.813</b>	<b>2.503.789.990.920</b>	<b>947.026.571.916</b>	<b>(1.236.419.578.280)</b>	<b>14.793.870.656.369</b>				
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>									
Khấu hao và hao mòn	482.259.820.874	-	2.366.227.080	-	484.626.047.954				
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(3.311.137.091)	-	-	-	(3.311.137.091)				
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	413.285.918.011	20.989.356.720	(34.836.661.116)	-	399.438.613.615				
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	-	-	-	-	(72.884.001.645)				
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>									
Đầu tư vào công ty liên kết	132.906.388.505	-	-	-	132.906.388.505				
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	851.184.534.564	-	-	-	851.184.534.564				
Tài sản bộ phận	8.303.321.262.797	408.425.245.704	382.266.682.560	-	9.094.013.191.061				
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	3.234.054.336.439				
Tổng tài sản	602.758.563.296	423.646.619.088	295.162.073.360	-	1.321.567.255.744				
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	-	-	-	-	5.063.563.299.599				
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	6.385.130.555.343				

Đơn vị tính: VND

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**38.1 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày** (tiếp theo)

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Năm nay</i>
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	14.205.847.819.501
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	412.659.162.748
Cung cấp dịch vụ	175.363.674.120
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>14.793.870.656.369</u></b>

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Số cuối năm</i>
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	9.094.013.191.061
<i>Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì</i>	<i>7.628.781.811.846</i>
<i>Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp</i>	<i>1.278.634.663.880</i>
<i>Dịch vụ vận chuyển</i>	<i>186.596.715.334</i>
Tài sản không phân bổ	3.234.054.336.439
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.328.067.527.500</u></b>

# Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát Holdings

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

## 38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

### 38.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

#### Bộ phận theo lĩnh vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý (tính theo xuất xứ của hàng hóa) của Tập đoàn như sau:

	Việt Nam	Cộng hòa Singapore	Điều chỉnh và loại trừ	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
<b>Doanh thu</b>				
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	7.478.732.969.297	1.006.157.979.072	-	8.484.890.948.369
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	79.904.108.016	(79.904.108.016)	-
Tổng doanh thu	7.478.732.969.297	1.086.062.087.088	(79.904.108.016)	8.484.890.948.369
<b>Kết quả hoạt động kinh doanh</b>				
Khấu hao và hao mòn	374.672.291.385	-	-	374.672.291.385
Lợi nhuận được chia từ công ty liên kết	(10.142.552.591)	-	-	(10.142.552.591)
Thu nhập trước thuế theo bộ phận	341.400.385.825	4.357.318.724	-	345.757.704.549
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ	-	-	-	(55.158.365.747)
<b>Các thông tin bộ phận khác</b>				
Đầu tư vào công ty liên kết	191.626.429.952	-	-	191.626.429.952
Chi phí mua sắm TSCĐ và xây dựng cơ bản tăng trong năm	454.609.100.704	-	-	454.609.100.704
Tài sản bộ phận	7.714.329.342.325	148.823.226.630	-	7.863.152.568.955
Tài sản không phân bổ	-	-	-	2.570.377.106.207
Tổng tài sản	-	-	-	10.433.529.675.162
Tổng nợ phải trả theo bộ phận	1.049.989.468.291	104.500.029.971	-	1.154.489.498.262
Tổng nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	4.886.490.361.612
Tổng nợ phải trả	-	-	-	6.040.979.859.874

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**38. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN** (tiếp theo)

**38.2 Thông tin theo bộ phận vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày** (tiếp theo)

**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Dưới đây là thông tin về doanh thu của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm trước</i>	
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	8.310.794.015.865	
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	72.405.381.606	
Cung cấp dịch vụ	101.691.550.898	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>8.484.890.948.369</u></b>	

Dưới đây là thông tin về giá trị còn lại của tài sản của Tập đoàn theo lĩnh vực kinh doanh:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Năm trước</i>	
Tài sản phân bổ theo bộ phận lĩnh vực kinh doanh	7.863.152.568.955	
Sản xuất, bán và kinh doanh thương mại sản phẩm nhựa và bao bì	6.234.316.712.192	
Kinh doanh nhà xưởng, cho thuê đất và hạ tầng khu công nghiệp	1.533.752.980.515	
Dịch vụ vận chuyển	95.082.876.248	
Tài sản không phân bổ	2.570.377.106.207	
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>10.433.529.675.162</u></b>	

**39. CÁC CAM KẾT**

**Cam kết thuê hoạt động**

Tập đoàn hiện đang thuê đất, nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc năm kế toán, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	21.700.784.119	7.478.325.528
Từ 1 – 5 năm	33.665.525.876	12.516.157.646
Trên 5 năm	11.446.130.025	55.645.205.603
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>66.812.440.020</u></b>	<b><u>75.639.688.777</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**39. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)**

***Cam kết cho thuê hoạt động***

Tập đoàn hiện đang cho thuê nhà xưởng, thuê dịch vụ theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	30.491.092.351	30.328.702.552
Từ 1 – 5 năm	103.054.392.128	122.915.888.460
Trên 5 năm	145.448.984.862	116.855.377.994
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>278.994.469.341</b>	<b>270.099.969.006</b>

***Các cam kết khác***

Công ty Nhựa An Phát Xanh và Công ty An Cường đã ký kết thỏa thuận nhận cấp phép bản quyền một số sản phẩm ván sàn với một đối tác doanh nghiệp (bên cấp phép). Theo đó, Công ty Nhựa An Phát Xanh đảm bảo vô điều kiện cho bên cấp phép việc thanh toán số tiền bản quyền hàng kỳ trong trường hợp Công ty An Cường không hoàn thành nghĩa vụ trong thời hạn hoặc không trả bất kỳ khoản tiền chưa thanh toán nào khác.

Công ty An Phát Complex đã ký kết các hợp đồng liên quan đến việc triển khai xây dựng nhà xưởng và hạ tầng khu công nghiệp. Tổng số vốn cam kết theo những hợp đồng này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 ước tính là 763,2 tỷ VND.

***Các khoản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp tài sản***

Công ty và Công ty Nhựa An Phát Xanh cam kết liên đới bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho tất cả và bất kỳ nghĩa vụ nào của Công ty An Phát Complex phát sinh theo Hợp đồng tín dụng hợp vốn, trong đó bên cho vay là Ngân hàng Industrial And Commercial Bank of China Limited – Chi nhánh Thành Phố Hà Nội và Ngân hàng Keb Hana – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

**40. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ (USD)	19.397.104,38	9.212.433,71
- Euro (EUR)	10.058,00	9.751,00
- Bảng Anh (GBP)	101,89	101,89
- Đô la Singapore (SGD)	17.826,00	8.576,00
- Won Hàn Quốc (KRW)	-	-
- Yên Nhật (JPY)	81.000,00	81.000,00
- Dirham (DIR)	1.680,00	-
- Nhân dân tệ (CNY)	-	1.680,00



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

**41. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 8.500.000 cổ phiếu NHH, tương đương với 23,32% cổ phần trong Công ty Nhựa Hà Nội cho Công ty Nhựa An Phát Xanh. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa Hà Nội sau giao dịch này là 22,06%.

Cũng trong tháng 1 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc góp thêm 14 tỷ VND vào Công ty PBAT theo đăng ký kinh doanh mới, tăng vốn điều lệ của Công ty PBAT lên 130 tỷ VND. Trong đó, Công ty đóng góp 120 tỷ VND.

Trong tháng 2 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc phát hành 48.776.860 cổ phiếu phổ thông để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ thực hiện 100:25.

Trong tháng 3 năm 2022, Công ty đã hoàn tất việc thực hiện chuyển quyền sở hữu 6.694.213 cổ phiếu AAA nhằm thực hiện thanh toán một phần nợ gốc trái phiếu hoán đổi phát hành ngày 3 tháng 7 năm 2020 với tổng giá trị là 81 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu trực tiếp của Công ty trong Công ty Nhựa An Phát Xanh sau giao dịch này là 48,7%.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.



Hồ Thị Hòe  
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Phạm Đỗ Huy Cường  
Phó Tổng Giám đốc Thường trực

Ngày 30 tháng 3 năm 2022